TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: **60**/2023/KDTM - PT.
Ngày : 30/3/2023
V/v: *Tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: **Ông Hoàng Minh Thành**

Các Thẩm phán : **Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

Bà Lê Thúy Linh

Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội ghi biên bản phiên toà: Bà Dương Thị Huệ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Phan Thị Tình– Kiểm sát viên

Trong các ngày 28 và 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 161/2022/TLPT - KDTM ngày 17 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp: Hợp đồng bảo lãnh

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 92/2022/KDTM-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân quận BĐ đã bị nguyên đơn là Ngân hàng TMCP QĐ và bị đơn là Tổng Công ty CNTT kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 671/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP QĐ
Trụ sở: 18 LVL, phường TH, quận CG , Hà Nội
Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đ – Chủ tịch HĐQT
Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình T, ông Nguyễn Cao H, ông Lã Phương C, bà Đinh Hồng H

- Bị đơn: Tổng Công ty CNTT
Trụ sở: Số 172 NK, phường GV, quận BĐ , Hà Nội
Đại diện theo pháp luật: Ông Cao Thành Đ – Tổng Giám đốc
Đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Kim O, bà Nguyễn Thị Ánh N

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Công ty TNHH Một thành viên BĐ
Trụ sở: Số 3 PĐP , phường HL , quận HB , thành phố Hải Phòng
Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn M – Chủ tịch Công ty

Đại diện theo ủy quyền:
1. Ông Nguyễn Thế T – Kế toán trưởng
2. Bà Nguyễn Thị Thúy A – Công ty Luật 1-5, đoàn luật sư thành phố Hải Phòng
Địa chỉ: P. 411, số 5 LTT, phường HVT, quận HB , thành phố Hải Phòng
* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH MTV BĐ : Luật sư Bùi Thị Thanh H – Công ty Luật 1-5
Địa chỉ: P. 411, số 5 LTT, phường HVT, quận HB , thành phố Hải Phòng

(Tại phiên tòa có mặt ông Lã Phương C, bà Vũ Thị Kim O, bà Nguyễn Thị Ánh N, ông Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị Thúy A, luật sư Bùi Thị Thanh H)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP QĐ do người đại diện theo ủy quyền là ông Lã Phương C trình bày:

Tổng Công ty CNTT (CNTT) (trước đây là "Tập đoàn CNTT Việt Nam" (VNS) là khách hàng của QĐ , theo đó CNTT đã thực hiện nhận nợ bắt buộc sau khi QĐ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thay cho CNTT theo yêu cầu của Công ty Mediterranea Di Navigazione SPA, Italia Piazza – Italia trên cơ sở các hợp đồng bảo lãnh đã ký giữa CNTT và QĐ , các Thư bảo lãnh QĐ đã phát hành. Nội dung cụ thể như sau:

Hợp đồng Bảo lãnh:

- Ngày 29/5/2009, QĐ và VNS đã ký Hợp đồng cấp bảo lãnh số MD0915200086 và Hợp đồng cấp bảo lãnh số MD0915200087 (sau đây gọi là "Hợp đồng bảo lãnh)

- QĐ bảo lãnh hoàn tạm ứng cho khách hàng để thực hiện Hợp đồng đóng xuất khẩu tàu chở nhựa đường 7.000 tấn với các số vỏ 7000BTC-BD01 và 7000BTC-BD02 (Hợp đồng đóng tàu số hiệu vỏ 7000BTC – BD01 ngày 12/11/2008; Hợp đồng đóng tàu số hiệu vỏ 7000BTC – BD02 ngày 12/11/2008) ký ngày 12/11/2008, giữa VNS (nay là CNTT); Tổng Công ty CNTT BĐ (nay là Công ty TNHH MTV BĐ) (sau đây gọi là: "Liên danh đóng tàu VNS ") và Công ty Mediterranea Di Navigazione SPA, Italia Piazza – Italia (sau đây gọi là "Chủ Tàu").

Nội dung hợp đồng bảo lãnh như sau: Bên nhận bảo lãnh Công ty Mediterranea Di Navigazione SPA, số tiền bảo lãnh tối đa: 6,959,506.85 EUR; trong đó: (Hợp đồng bảo lãnh MD0915200087, giá trị BL: 3,528,904.11 EUR; HĐBL MD0915200086, giá trị bảo lãnh: 3,430,602.74 EUR. Loại bảo lãnh: bảo lãnh hoàn ứng. Mục đích: Cam kết nghĩa vụ trả tiền, tương ứng với 20% giá trị hợp đồng. Biện pháp bảo đảm: Toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình đóng tàu (bao gồm tài sản hình thành từ vốn vay, tài sản hình thành từ phần tạm ứng của bên nhận bảo lãnh và tài sản hình thành từ vốn tự có của bên yêu cầu bảo lãnh)

Thực hiện Hợp đồng bảo lãnh

QĐ đã phát hành các Thư bảo lãnh tiền tạm ứng bằng điện số 36/FI/QĐ -HO ngày 01/6/2009; số 37/FI/QĐ -HO ngày 01/6/2009 qua Ngân hàng Unicredit SPA, cụ thể:

- Ngày 01/6/2009, QĐ xác nhận phát hành bảo lãnh qua Mã điện SWIFT 799 36/FI.HO-QĐ . Đơn vị nhận: Công ty Mediterranea Di Navigazione SPA, Italia Piazza – Italia. Số tiền tối đa: 3.430.602,74 EUR;

- Ngày 01/6/2009, QĐ xác nhận phát hành bảo lãnh qua Mã điện SWIFT 799 37/FI.HO-QĐ . Đơn vị nhận: Công ty Mediterranea Di Navigazione SPA, Italia Piazza – Italia. Số tiền bảo lãnh tối đa: 3.528.904,11 EUR.

Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:

Quá trình thực hiện hợp đồng đóng tàu, Liên danh đóng tàu VNS gặp khó khăn dẫn đến tiến độ đóng 02 tàu trên bị chậm. Ngân hàng đại lý của Chủ Tàu đã yêu cầu QĐ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo 02 Thư bảo lãnh đã phát hành thông qua Điện SWIFT, cụ thể:

- Đối với Bảo lãnh Mã điện SWIFT 799 36/FI.HO-QĐ

+ Ngày 15/9/2011, Ngân hàng Unicredit SPA có điện đòi theo Điện SWIFT, mã fin.799; số tham chiếu 26/FI HO QĐ . Số tiền yêu cầu: 3.430.602,74 EUR;

+ Ngày 26/9/2011, QĐ thanh toán số tiền 3.430.602,74EUR theo Điện SWIFT, mã fin.202; số tham chiếu 901010997033;

+ Ngày 28/9/2011, Ngân hàng Unicredit SPA có Điện SWIFT, mã fin.799; Lịch sử giao dịch: 901010901339, theo đó Ngân hàng Unicredit SPA thông báo QĐ đã thực hiện xong việc thanh toán nghĩa vụ bảo lãnh.

- Đối với Bảo lãnh Mã điện SWIFT 799 37/FI.HO-QĐ

+ Ngày 21/12/2011, Ngân hàng Unicredit SPA có điện đòi theo Điện SWIFT, mã fin.799; số tham chiếu 37/FI.QĐ HO. Số tiền yêu cầu: 3.520.330,74 EUR;

+ Ngày 27/12/2011, QĐ thanh toán số tiền 3.520.330,74 EUR theo Điện SWIFT, mã fin.202; số tham chiếu 901011228987;

+ Ngày 12/01/2012, Ngân hàng Unicredit SPA có Điện SWIFT, mã fin.799; Lịch sử giao dịch: 901010137622, theo đó Ngân hàng Unicredit SPA thông báo QĐ đã thực hiện xong việc thanh toán nghĩa vụ bảo lãnh.

- Đối với yêu cầu thực hiện số tiền lãi phát sinh

+ Ngày 29/12/2011, Ngân hàng Unicredit SPA có điện đòi theo Điện SWIFT, mã fin.799; số tham chiếu 37/FI.QĐ HO. Số giao dịch: 901010134591. Số tiền yêu cầu thanh toán: 27.975,33 EUR (Lý do yêu cầu: khoản lãi phát sinh);

+ Ngày 11/01/2012, QĐ thanh toán số tiền 27.975,33 EUR theo thông báo Điện SWIFT, mã fin.202; số tham chiếu 901010134591;

+ Ngày 12/01/2012, Ngân hàng Unicredit SPA có Điện SWIFT, mã fin.799; Lịch sử giao dịch: X901010137622, theo đó Ngân hàng Unicredit SPA thông báo QĐ được giải phóng mọi trách nhiệm pháp lý.

Giải ngân nhận nợ bắt buộc

Ngày 26/09/2011, ông Phạm Thanh Sơn – Chức vụ: Phó Tổng giám đốc VNS đã nhận hồ sơ nhận nợ tại QĐ theo Giấy ủy quyền số 4933/CNT-TCKT ngày 20/9/2011 của VNS .

Ngày 26/9/2011 VNS ký Giấy nhận nợ: Số tiền nhận nợ: 96.948.833.432 đồng (tương đương 3.430.602,74 EUR); Mục đích: Nhận nợ bắt buộc để hoàn trả tiền ứng trước cho chủ tàu 7.000BTC-BD01 do hủy hợp đồng; Thời hạn vay: Hai bên sẽ thống nhất trong quá trình tái cơ cấu nợ; Lãi suất: Lãi suất cơ bản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước áp dụng cho từng thời kỳ.

Ngày 30/12/2011, VNS có Văn bản số 6480/CNT-TCKT ngày 30/12/2011 gửi QĐ , theo đó VNS xác nhận nội dung: Số tiền nhận nợ: 96.948.833.432 đồng (tương đương 3,430,602.74 EUR); Ngày nhận nợ: 26/9/2011. Mục đích: Nhận nợ bắt buộc để hoàn trả tiền ứng trước cho chủ tàu 7.000BTC-BD01 do hủy HĐ;

Ngày 27/03/2012, ông Phạm Thanh Sơn – Chức vụ: Phó tổng giám đốc VNS đã nhận hồ sơ nhận nợ tại QĐ theo Giấy ủy quyền số 6405/CNT-TCKT ngày 26/12/2011 của VNS .

- Ngày 27/03/2012, VNS ký Giấy nhận nợ, cụ thể: Số tiền nhận nợ: 97.327.738.356 đồng (tương đương 3.494.712,33 EUR); Ngày nhận nợ: 27/12/2011; Mục đích: Nhận nợ bắt buộc để hoàn trả tiền tạm ứng trước cho chủ tàu 7.000BTC-BD02 do hủy hợp đồng; Thời hạn vay: Hai bên sẽ thống nhất trong quá trình tái cơ cấu nợ của Tập đoàn CNTT Việt Nam; Lãi suất: Lãi suất cơ bản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm.

- Ngày 27/03/2012, VNS ký Giấy nhận nợ, cụ thể: Số tiền nhận nợ: 759.250.456 đồng (tương đương 27.975,33 EUR); Ngày nhận nợ: 11/01/2012; Mục đích: Nhận nợ bắt buộc để hoàn trả tiền tạm ứng trước cho chủ tàu 7.000BTC-BD02 do hủy hợp đồng. Thời hạn vay: Hai bên sẽ thống nhất trong quá trình tái cơ cấu nợ của Tập đoàn CNTT Việt Nam; Lãi suất: Lãi suất cơ bản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm.

Tài sản bảo đảm của khoản vay bảo lãnh: Thép tấm cuộn nóng để đóng tàu (nên phun bi làm sạch và sơn lót kèm) cho dự án đóng tàu chở nhựa đường nêu trên. Số lượng: 1385 tấm. Tổng trọng lượng: 2208.784 MTS. Giá trị: 1.390.331,25 USD.

Toàn bộ tài sản bảo đảm nêu trên được hình thành trong quá trình đóng tàu, hiện nay đang lưu giữ tại Kho của Công ty TNHH Một thành viên BĐ , địa chỉ: Số 3 PĐP , phường HL , quận HB , thành phố Hải Phòng. Cụ thể được quy định tại các hồ sơ

như sau: Điều 7 Hợp đồng cấp bảo lãnh số MD0915200086 29/05/2009; Hợp đồng cấp bảo lãnh số MD0915200087 ngày 29/05/2009 ký giữa QĐ và CNTT ; Hợp đồng số HD-BDZ1812-04 ngày 18/12/2009 ký giữa Tổng Công ty CN Tàu Thủy BĐ (nay là Công ty TNHH MTV BĐ) và Hyundai Corporation ngày 18/12/2009; Hóa đơn thương mại số SID- 1201T-01 ngày 15/3/2010 của Hyundai Corporation; Phiếu đóng gói hàng hóa chi tiết số SID-1201T-01 ngày 15/3/2010 của Hyundai Corporation; Vận đơn số SHHP006. Cảng xếp hàng: Cảng Thượng Hải, Trung Quốc. Cảng dỡ hàng: Cảng Hải Phòng, Việt Nam; Văn bản số 347 ngày 21/11/2019 của Công ty TNHH MTV BĐ .

Quá trình giải quyết thu nợ của QĐ : Sau khi CNTT nhận nợ bắt buộc với QĐ đến nay CNTT chưa thực hiện trả nợ đầy đủ nợ gốc và lãi cho QĐ theo quy định. Ngày 13/07/2015, QĐ và CNTT đã thực hiện đối chiếu dư nợ của CNTT tại QĐ , theo đó tạm tính đến ngày 25/5/2015 CNTT còn nợ QĐ số tiền là: 346.316.904.254 đồng, trong đó: Nợ gốc: 189.558.867.768 đồng; Nợ lãi: 156.758.036.486 đồng (theo Bảng đối chiếu dư nợ ngày 13/7/2015).

Tính đến ngày 25/7/2022, CNTT còn nợ QĐ là: 655.055.981.237 đồng, trong đó: Nợ gốc 189.558.867.768 đồng; Nợ lãi 465.497.113.469 đồng.

Đối với ý kiến của bị đơn về việc vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện, QĐ không đồng ý với lý do: CNTT có nghĩa vụ trả nợ QĐ theo quy định pháp luật do thời hạn khoản vay chưa chấm dứt.

- Căn cứ Khoản 18 Điều 4 Luật các TCTD 2010 quy định: "18. Bảo lãnh ngân hàng là hình thức cấp tín dụng, theo đó tổ chức tín dụng cam kết với bên nhận bảo lãnh về việc tổ chức tín dụng sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho khách hàng khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết; khách hàng phải nhận nợ và hoàn trả cho tổ chức tín dụng theo thỏa thuận". Theo đó, nếu CNTT không trả nợ ngay cho QĐ thì QĐ tiến hành giải ngân nhận nợ bắt buộc và khoản giải ngân đó là khoản vay.

- Căn cứ Quyết định số 26/2006/QĐ-NHNN ngày 26/6/2006 của Ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế bảo lãnh ngân hàng (Quyết định số 26), theo đó quy định về việc hạch toán ghi nợ và nghĩa vụ hoàn trả của bên được bảo lãnh như sau:

+ Điểm e, khoản 1 Điều 23 quy định về quyền của bên bảo lãnh: "e. Hạch toán ghi nợ và yêu cầu khách hàng hoặc bên bảo lãnh đối ứng hoàn trả số tiền mà bên bảo lãnh đã trả thay".

+ Khoản 4 Điều 27 quy định về nghĩa vụ hoàn trả của khách hàng: "4. Bên nợ có nghĩa vụ hoàn trả ngay số tiền tổ chức tín dụng đã trả thay. Trong trường hợp chưa hoàn trả được cho tổ chức tín dụng, bên nợ phải chịu lãi suất phạt đối với khoản nợ tổ chức tín dụng đã trả thay, tối đa bằng 150% lãi suất trong hợp đồng vay vốn giữa khách hàng và bên nhận bảo lãnh (trường hợp bảo lãnh vay vốn) hoặc lãi suất cho

vay thông thường mà bên bảo lãnh đang áp dụng, kể từ ngày tổ chức tín dụng thực hiện trả thay".

- Căn cứ Hợp đồng bảo lãnh ngày 29/5/2009 ký giữa Tập đoàn CNTT Việt Nam (nay là Tổng Công ty CNTT) thỏa thuận về việc nhận nợ và hoàn trả, cụ thể như sau:

+ Khoản 6.1: "Bên yêu cầu đồng ý rằng ngày Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của mình sẽ là ngày bên yêu cầu nhận nợ đối với Ngân hàng đối với số tiền mà Ngân hàng đã trả cho Bên nhận bảo lãnh. Khoản nợ này của bên yêu cầu đối với Ngân hàng được coi là đến hạn và phải trả ngay lập tức vào ngày nhận nợ".

+ Điểm (d) Khoản 9.2 Điều 9 quy định về nghĩa vụ của bên yêu cầu: "nhận nợ và hoàn trả cho Ngân hàng số tiền Ngân hàng đã trả thay, bao gồm cả gốc, lãi và các chi phí trực tiếp phát sinh từ việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh".

- Căn cứ Khoản 2 Điều 3 Quyết định số 1627/2001 ngày 31/12/2001 của NHNN về Ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Quyết định số 1627), theo đó "thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ khi khách hàng bắt đầu nhận vốn vay cho đến thời điểm trả hết nợ gốc và lãi vốn vay"

Tại Khoản 8 Điều 2 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 31/12/2016 của NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng (Thông tư 39), quy định: "Thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của ngày tổ chức tín dụng giải ngân vốn vay cho khách hàng cho đến thời điểm khách hàng phải trả hết nợ gốc và lãi tiền vay"

Từ căn cứ nêu trên, pháp luật quy định và các bên đã thỏa thuận về việc CNTT phải có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ nợ gốc khoản vay tương ứng với số tiền QĐ đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc. Thời hạn vay được tính từ ngày CNTT nhận nợ bắt buộc cho đến ngày trả hết nợ gốc và lãi vốn vay, trường hợp CNTT không trả nợ QĐ , nghĩa là CNTT chấp nhận chịu khoản lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán theo quy định tại Khoản 4 Điều 27 Quyết định số 26, nghĩa vụ trả nợ của CNTT chỉ hoàn thành với QĐ khi thanh toán đầy đủ nợ gốc, lãi khoản vay. Việc tính số tiền lãi của khoản vay là liên tục tương ứng với số ngày CNTT chậm thanh toán, khi CNTT chưa trả hết nợ gốc, nợ lãi khoản vay cho QĐ thì thời hạn cho vay chưa chấm dứt theo quy định Quyết định số 1627 và Thông tư 39 nêu trên. Do vậy, không có cơ sở xác định "thời điểm bắt đầu ngày đầu tiên của thời hiệu" theo quy định về cách tính thời hiệu tại Điều 151 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo đó, việc áp dụng thời hiệu khởi kiện là chưa đúng theo quy định sẽ làm ảnh hưởng đến quyền thu nợ gốc, nợ lãi của QĐ đối với khoản vay của CNTT .

Quá trình giải quyết khoản nợ của CNTT tại QĐ là liên tục

Quá trình giải quyết khoản nợ QĐ , CNTT và Công ty BĐ đã tiến hành họp nhiều lần tuy nhiên CNTT và Công ty BĐ không hợp tác giải quyết, chưa có

phương án trả nợ dứt điểm khoản nợ tại QĐ . Quá trình làm việc là liên tục, cụ thể như sau:

- Ngày 19/9/2011, Tổng Công ty CNTT BĐ (nay là Công ty TNHH MTV BĐ) và đại diện QĐ đã làm việc để kiểm kê tình hình sử dụng lô thép của tàu Bitumen, theo đó QĐ và Công ty BĐ xác nhận Công ty BĐ đã nhập 2.208.784 MTS thép tấm cuốn nóng cho dự án đóng tài Bitument, thực trạng kiểm tra số thép vẫn nằm ở kho của Công ty BĐ và xác nhận số thép trên là tài sản thế chấp tại QĐ cho dự án Bitument.

- Ngày 13/07/2015, QĐ và CNTT đã thực hiện đối chiếu dư nợ của CNTT tại QĐ , theo đó tạm tính đến ngày 25/5/2015 CNTT còn nợ QĐ số tiền là: 346.316.904.254 đồng, trong đó: Nợ gốc: 189.558.867.768 đồng; Nợ lãi: 156.758.036.486 đồng (theo Bảng đối chiếu dư nợ ngày 13/7/2015).

- Ngày 23/8/2018, Tổng Công ty Công nghiệp nghiệp tàu thủy có văn bản số 1374/CNT-TCKT gửi QĐ về việc họp bàn phương án xử lý các khoản nợ vay tại QĐ .

- Năm 2019 và năm 2020, QĐ đã gửi các văn bản đề nghị CNTT , Công ty BĐ giải quyết khoản nợ tại QĐ , cụ thể Văn bản số 10951/CV-HO ngày 18/11/2019 (Văn bản số 10951); số 32/CV-HO ngày 06/1/2020 (Văn bản số 32), tuy nhiên CNTT không hợp tác giải quyết. (Ngày 13/5/2022, Công ty TNHH Bưu chính Speedex Việt Nam xác nhận có gửi Văn bản số 10951; Văn bản số 32 đến Đơn vị nhận là CNTT và Công ty BĐ).

Phúc đáp Văn bản số 10951, Công ty BĐ gửi QĐ văn bản số 347/BĐ-TCKT đề ngày 21/11/2019, theo đó Công ty BĐ khẳng định lô thép QĐ đề nghị bàn giao để xử lý khoản nợ của CNTT tại QĐ là lô thép nhập khẩu để thực hiện dự án đóng mới tàu Bitument và nêu ý kiến về việc tất cả các mối quan hệ tài chính, tín dụng và xử lý vật tư, thiết bị tồn kho của con tàu này đều phải báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của CNTT .

- Ngày 23/12/2021, QĐ và CNTT tiếp tục có buổi làm việc để giải quyết các khoản nợ của CNTT tại QĐ , theo đó QĐ đề nghị CNTT thực hiện hoàn trả khoản nợ, đồng thời bàn giao lô thép để QĐ thực hiện bán thu hồi nợ, tuy nhiên CNTT không có phương án giải quyết.

Như vậy, quá trình giải quyết khoản nợ quá hạn của CNTT tại QĐ là liên tục từ năm 2011 đến nay. Sau khi QĐ và CNTT đối chiếu công nợ ngày 13/7/2015, những năm gần đây mặc dù QĐ đã nhiều lần gửi văn bản đề nghị yêu cầu CNTT và Công ty BĐ giải quyết khoản nợ quá hạn nhưng CNTT , Công ty BĐ không có phương án trả nợ khả thi.

Từ nội dung nêu trên cho thấy, không có cơ sở áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, không có căn cứ để xác định vụ án đã hết thời hiệu. QĐ đề nghị tiếp tục tính lãi đối với số tiền nợ gốc trên.

QĐ có quyền xử lý đối với Tài sản là Thép tấm cuộn nóng để đóng tàu (nên phun bi làm sạch và sơn lót kèm) cho dự án đóng tàu chở nhựa đường Bitument. Cụ thể như sau:

Quy định pháp luật và thỏa thuận của các bên:

- Căn cứ Điều 343 Luật Dân sự 2005 quy định về hình thức thế chấp tài sản: "Việc thế chấp tài sản phải được lập thành văn bản, có thể lập thành văn bản riêng hoặc ghi trong hợp đồng chính. Trong trường hợp pháp luật có quy định thì văn bản thế chấp phải được công chứng, chứng thực hoặc đăng ký".

- Căn cứ điểm (b) Khoản 7.1 Điều 7 Hợp đồng bảo lãnh ngày 29/5/2009 ký giữa QĐ và CNTT quy định về biện pháp bảo đảm, theo đó tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ bảo lãnh là: "Toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình đóng tàu (bao gồm tài sản hình thành từ vốn vay, tài sản hình thành từ phần tạm ứng của bên nhận bảo lãnh và tài sản hình thành từ vốn tự có của bên yêu cầu cấu thành nên con tàu)."

Đối chiếu quy định Điều 343 Bộ luật dân sự 2005 thì biện pháp bảo đảm được quy định tại Điều 7 Hợp đồng bảo lãnh ngày 29/5/2009 là phù hợp.

Lô thép tấm cuộn nóng để phục vụ dự án đóng tài Bitument được mua từ nguồn tiền tạm ứng của chủ đầu tư.

Thực tế, toàn bộ tài sản đã hình thành trong quá trình đóng tàu Bitument được xác định là lô thép Thép tấm cuộn nóng để đóng tàu (nên phun bi làm sạch và sơn lót kèm) cho dự án đóng tàu chở nhựa đường nêu trên. Số lượng: 1385 tấm. Tổng trọng lượng: 2208.784 MTS thể hiện trong hồ sơ nhập khẩu và các tài liệu, chứng từ sau:

- Ngày 19/9/2011, đại diện Công ty BĐ và QĐ đã làm việc để kiểm kê tình hình sử dụng lô thép của tàu Bitument, theo đó QĐ và Công ty BĐ đã tiến hành kiểm kê và xác định thực trạng số thép vẫn nằm ở kho bãi của Tổng Công ty CNTT BĐ (nay là Công ty BĐ). Số thép trên là tài sản thế chấp tại QĐ cho dự án đóng tài Bitument.

- Ngày 18/11/2019 QĐ gửi văn bản số 10951/CV-HO, ngày 06/01/2020 gửi văn bản số 32/CV-HO đề nghị CNTT , Công ty BĐ có phương án giải quyết khoản nợ theo hướng bàn giao tài sản bảo bảo đảm là lô thép hình thành trong quá trình đóng tàu Bitument. QĐ đã gửi toàn bộ thông tin dư nợ, hồ sơ pháp lý liên quan đến tài sản bảo đảm cho CNTT và Công ty BĐ . Phúc đáp đề nghị của QĐ , Công ty BĐ gửi văn bản số 347/BĐ-TCKT đề ngày 21/11/2019, theo đó Công ty BĐ khẳng định: "Đây là lô thép mà Công ty chúng tôi đã trực tiếp nhập khẩu để thực hiện dự

án đóng mới tàu theo hợp đồng liên kết đóng mới tàu ký với CNTT . Theo đó, tất cả các mối quan hệ tài chính, tín dụng và xử lý vật tư, thiết bị tồn kho của con tàu này sau khi hợp đồng bị hủy, chúng tôi phải báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của CNTT ".

- Để quản lý và thanh toán các khoản tiền phục vụ dự án đóng tàu Bitument, Tập đoàn CNTT Việt Nam; Tổng Công ty CNTT BĐ mở các tài khoản chuyên dụng tại QĐ như sau:

+ Tài khoản EUR số 0011100137005 của Tập đoàn CNTT Việt Nam.

+ Tài khoản EUR số 0011100144001 của Tổng Công ty CNTT BĐ .

+ Tài khoản USD số 0011100143005 của Tổng Công ty CNTT BĐ .

Theo đó, chi tiết từng bút toán giao dịch tài khoản thể hiện lô thép mà Tổng Công ty CNTT BĐ mua từ nguồn tiền do Chủ đầu tư tạm ứng trong dự án đóng tàu Bitument.

Tài khoản EUR số 0011100137005 của Tập đoàn CNTT Việt Nam:

a) Ngày 15/6/2009 có 02 bút toán ghi có số tiền thể hiện nội dung chủ đầu tư chuyển tiền tạm ứng đóng tàu Bitument, bút toán là:

i) Mã giao dịch FT09163001003977, số tiền ghi có 3,000,000.00 EUR (Ba triệu euro)

ii) Mã giao dịch FT09163001003981, số tiền ghi có 3,000,000.00 EUR (Ba triệu euro)

b) Ngày 04/9/2009, tài khoản EUR 0011100137005 của Tập đoàn CNTT Việt Nam có bút toán ghi nợ số tiền 5,070,000.00 EUR (Năm triệu không trăm bảy mươi nghìn euro), Mã giao dịch số FT09247001016045. Nội dung: chuyển tiền về tài khoản chuyên dụng của Tổng Công ty CNTT BĐ tiền ứng trước của chủ đầu tư dự án đóng 2 tàu Bitumen. Đơn vị thụ hưởng: Tổng Công ty CNTT BĐ . Số tài khoản EUR thụ hưởng 0011100144001.

Tài khoản EUR số 0011100144001 của Tổng Công ty CNTT BĐ :

a) Ngày 04/9/2002 có bút toán ghi có số tiền 5,070,000.00 EUR (Năm triệu không trăm bảy mươi nghìn euro), Mã giao dịch số FT09247001016045. Nội dung: chuyển tiền về tài khoản chuyên dụng của Tổng Công ty CNTT BĐ tiền ứng trước của chủ đầu tư dự án đóng 2 tàu Bitumen. Đơn vị chuyển: Tập đoàn CNTT Việt Nam. Số tài khoản EUR chuyển 0011100137005.

b) Ngày 21/4/2010, từ tài khoản EUR số 0011100144001 của Tổng Công ty CNTT BĐ , ghi nợ số tiền 1,038,458.15 EUR (Một triệu ba mươi tám ngàn bốn tram năm mươi tám euro và mười lăm cent), Mã giao dịch FX 1011100108. Nội dung: Bán USD cho khách hàng thanh toán LC 091231BNKLCA0974. Đơn vị chuyển: Tổng Công ty CNTT BĐ . Tài khoản chuyển: Tài khoản EUR số 0011100144001.

Tài khoản USD số 0011100143005 của Tổng Công ty CNTT BĐ :

a) Ngày 21/4/2010, phát sinh giao dịch ghi có số tiền 1,391,533.92 USD (Một triệu ba trăm chín mươi mốt ngàn năm trăm ba mười đô la Mỹ và chín mươi hai cent), Mã giao dịch FX 1011100108. Nội dung: Bán USD cho khách hàng thanh toán LC 091231BNKLCA0974. Đơn vị thụ hưởng: Tổng Công ty CNTT BĐ . Tài khoản USD thụ hưởng 0011100143005.

b) Căn cứ bộ chứng từ nhập khẩu của Lô thép được Tổng Công ty CNTT BĐ mua của Hyundai Corporation theo Hợp đồng mua bán số HD-BD/1812-04 ngày 18/12/2009. Theo đó, tại Bộ chứng từ nhập khẩu: Phiếu đóng gói hàng hóa chi tiết; Hóa đơn thương mại; Vận đơn thể hiện việc mua bán Lô thép được thanh toán bởi Thư tín dụng (L/C) số 091231BNKLCA0974 ngày 31/12/2009, thanh toán theo Lệnh của Ngân hàng thương mại cổ phần QĐ .

c) Ngày 21/4/2010, tài khoản USD số 0011100143005 của Tổng Công ty CNTT BĐ , ghi nợ số tiền 1,391,533.92 USD (Một triệu ba trăm chín mươi mốt ngàn năm trăm ba mười đô la Mỹ và chín mươi hai cent), Mã giao dịch TF093651347401.

Đối chiếu thông tin nội dung tại bút toán số FX 1011100108; số TF093651347401 ngày 21/4/2010 và bộ chứng từ nhập khẩu thể hiện Lô thép được mua từ nguồn tiền do Chủ đầu tư tạm ứng, dòng tiền được giao dịch qua các tài khoản chuyên dụng của khách hàng mở tại QĐ . Các tài khoản chuyên dụng này chỉ có các giao dịch phát sinh có, phát sinh nợ liên quan đến các khoản tiền phục vụ cho Dự án đóng tàu Bitument.

(chi tiết các nội dung và sao kê giao dịch tài khoản nêu tại (i) Văn bản số 243/QĐ -SGD ngày 16/3/2022; (ii) Văn bản số 176/QĐ -SGD1 ngày 15/7/2022 và các chứng từ giao dịch kèm theo QĐ đã cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án).

Công ty BĐ ; CNTT cho rằng Công ty BĐ và CNTT là 02 pháp nhân độc lập; Công ty BĐ không tham gia, không thỏa thuận với QĐ trong Hợp đồng bảo lãnh nên không đồng ý với yêu cầu xử lý tài sản của QĐ . Về nội dung này, QĐ có quan điểm như sau:

Quá trình thành lập Công ty BĐ :

- Ngày 16/8/2004, Thủ tướng Chính phủ ban hành QĐ số 151/2004/QĐ-TTg về việc thành lập Công ty TNHH Nhà nước MTV BĐ .

- Ngày 19/7/2007, Tập đoàn CN Tàu thủy Việt Nam (VNS) ban hành Quyết định số 2237/QĐ/CNT-TCCB-LĐ về việc thành lập Tổng Công ty CNTT BĐ trên cơ sở sắp xếp lại Công ty TNHH Nhà nước MTV BĐ , do VNS đầu tư 100% vốn điều lệ, có trách nhiệm kế thừa các quyền và nghĩa vụ pháp lý của Công ty TNHH Nhà nước MTV BĐ .

- Ngày 03/11/2008, Tổng Công ty CNTT BĐ được cấp Giấy CN ĐKKD số 0200844762. Chủ sở hữu là VNS .

Về mối quan hệ tài chính giữa VNS và Tổng Công ty CNTT BĐ

- Căn cứ Quyết định 247/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ V/v phê duyệt điều lệ Tổng Công ty CNTT Việt Nam (Quyết định 247). Theo đó, tại Mục I; II Phụ lục 02 Quyết định số 247, Công ty TNHH Nhà nước MTV Đóng tầu BĐ (nay là Công ty TNHH MTV BĐ) không phải là Công ty con hạch toán độc lập mà là Công ty TNHH Nhà nước MTV do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Về quản lý tài chính hạch toán kinh tế của của Công ty TNHH Nhà nước MTV, căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 35 Quyết định 247 quy định: "Quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Công ty theo sự ủy quyền của Hội đồng quản trị Tổng Công ty, các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty".

- Căn cứ Quyết định số 179/QĐ-TTg ngày 28/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ V/v phê duyệt điều lệ của Công ty Mẹ - Tập đoàn CNTT Việt Nam (Quyết định 179). Theo đó, Tổng Công ty CNTT BĐ là Công ty TNHH MTV do VNS nắm giữa 100% vốn điều lệ (Phụ lục Danh sách các Đơn vị ban hành kèm theo Quyết định 179).

+ Khoản 1 Điều 36 Quyết định 179 quy định: "Hội đồng thành viên VNS thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu của VNS đối với doanh nghiệp cấp II do VNS sở hữu 100% vốn điều lệ".

+ Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty CNTT BĐ do VNS ban hành ngày 26/02/2002 (Điều lệ Tổng Công ty BĐ), tại Khoản 2; Khoản 5; Khoản 6 Điều 14 quy định về quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu:

"2. Quyết định mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn và ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty.

5. Quyết định việc đầu tư, góp vốn đầu tư, liên danh, liên kết; phê duyệt chủ trương bán tài sản, vay, cho vay, cho thuê của Tổng Công ty.

6. Quy định chế độ tài chính, phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của Tổng Công ty phù hợp với quy định pháp luật và Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn"

Như vậy, tại thời điểm ký Hợp đồng đóng tàu (2008); Hợp đồng bảo lãnh (2009), về quản lý tài chính và hạch toán kinh tế, Công ty TNHH Nhà nước MTV Đóng tầu BĐ (năm 2008 chuyển thành Tổng Công ty CNTT BĐ) thực hiện quản lý, sử dụng vốn tài sản công ty theo sự ủy quyền của Hội đồng quản trị Tổng Công ty. Mặt khác, Chủ sở hữu VNS có quyền quyết định đầu tư, mục tiêu, chiến lược kinh doanh của Tổng Công ty CN Tàu Thủy BĐ .

Công ty BĐ có tham gia, có biết việc VNS ký Hợp đồng bảo lãnh với QĐ là điều kiện bắt buộc để thực hiện Hợp đồng đóng tàu.

- Ngày 12/11/2008, Công ty Mediterranea Di Navigazione SPA (Bên mua tàu); VNS và Tổng Công ty BĐ (bên đóng tàu) ký Hợp đồng đóng tàu chở Bitum 7.000 DWT (Hợp đồng đóng tàu). Theo đó, tại Hợp đồng đóng tàu, chủ đầu tư có yêu cầu Bên đóng tàu phải có thư bảo lãnh hoàn tiền tạm ứng của Ngân hàng bên đóng tàu.

- Ngày 29/5/2009, QĐ và VNS đã ký Hợp đồng cấp bảo lãnh số MD0915200086 và Hợp đồng cấp bảo lãnh số MD0915200087 với mục đích bảo lãnh hoàn tạm ứng cho KH để thực hiện Hợp đồng đóng tàu nêu trên.

Như vậy, khi ký Hợp đồng đóng tàu, Công ty BĐ đã biết điều kiện để thực hiện hợp đồng đóng tàu phải có thư bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng. Thực tế, Hợp đồng đóng tàu đã được triển khai sau khi QĐ phát hành 02 các Thư bảo lãnh tiền tạm ứng bằng điện số 36/FI/QĐ -HO ngày 01/6/2009; số 37/FI/QĐ -HO ngày 01/6/2009 qua Ngân hàng Unicredit SPA. Chủ đầu tư đã chuyển tiền tạm ứng cho bên đóng tàu; QĐ đã chuyển số tiền tạm ứng về TK chuyên dụng EUR số 0011100144001 của Công ty BĐ nhằm thực hiện mua nguyên liệu đóng tàu. Vì vậy, ý kiến của Công ty BĐ về việc giao dịch bảo lãnh giữa QĐ và CNTT không liên quan đến Công ty BĐ là không đúng.

Như vậy, tại thời điểm ký kết Hợp đồng đóng tàu (năm 2008); Hợp đồng bảo lãnh (năm 2009), Tổng Công ty CNTT BĐ không phải là Công ty con hạch toán độc lập, việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Công ty theo sự ủy quyền VNS . Chủ sở hữu VNS có quyền quyết định mục tiêu, chiến lược, kinh doanh; Quyết định việc đầu tư, góp vốn đầu tư, liên danh, liên kết; phê duyệt chủ trương bán tài sản, vay, cho vay, cho thuê và quy định chế độ tài chính, phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của Tổng Công ty CNTT BĐ .

Căn nêu trên, VNS có quyền quyết định và ký Hợp đồng bảo lãnh năm 2009 với QĐ nhằm mục đích thực hiện Dự án đóng tàu Bitument. Công ty BĐ biết rõ để thực hiện được Hợp đồng đóng tàu Bitument là phải có Thư bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng theo điều kiện của Bên mua tàu. Mặt khác, xét mối liên hệ tài chính giữa Công ty BĐ và VNS , khi ký Hợp đồng bảo lãnh với QĐ , VNS với tư cách, thẩm quyền là Chủ sở hữu Công ty BĐ . Thời điểm đó, Tổng Công ty CNTT BĐ phải chấp hành theo quyết định của chủ sở hữu do việc quản lý tài chính hạch toán kinh tế được thực hiện theo sự ủy quyền của Hội đồng quản trị VNS .

Tại phiên tòa, QĐ đề nghị Tòa án chấp nhận tính lãi suất là 22,5%/năm đối với Giấy nhận nợ ngày 26/9/2011 và tính lãi suất là 22,3 %/năm đối với Giấy nhận nợ ngày 27/3/2012 (ngày nhận nợ 27/12/2011); Giấy nhận nợ ngày 27/12/2012 (ngày

nhận nợ 11/01/2012) kể từ thời điểm CNTT vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với các Giấy nhận nợ trên.

- QĐ đề nghị Tòa án không yêu cầu tính lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn đối với số tiền nợ gốc 189.558.867.768 theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo lãnh hai bên đã ký. Và đề nghị Tòa án chấp nhận tính lãi suất chậm thanh toán đối với CNTT theo lãi suất quy định đối với Bảng đối chiếu nợ ngày 13/7/2015 là là 22,5%/năm đối với Giấy nhận nợ ngày 26/9/2011 và tính lãi suất là 22,3 %/năm đối với Giấy nhận nợ ngày 27/3/2012 (ngày nhận nợ 27/12/2011); Giấy nhận nợ ngày 27/12/2012 (ngày nhận nợ 11/01/2012) cho đến khi CNTT thanh toán xong khoản nợ cho QĐ .

Nay Ngân hàng TMCP QĐ đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc CNTT trả cho QĐ số tiền tạm tính đến ngày 25/07/2022 là 655.055.981.237 đồng, trong đó: Nợ gốc 189,558,867,768 đồng; Nợ lãi 465.497.113.469 đồng và các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/7/2022 cho đến ngày CNTT thanh toán đủ nợ gốc và nợ lãi cho QĐ .

- Trường hợp CNTT không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ, QĐ được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ theo quy định, các tài sản là: Thép tấm cuộn nóng để đóng tàu (nên phun bi làm sạch và sơn lót kèm) phục vụ dự án đóng tàu chở nhựa đường theo Hợp đồng đóng xuất khẩu tàu chở nhựa đường 7.000 tấn với các số vỏ 7000BTC-BD01 và 7000BTC-BD02. Số lượng: 1385 tấm. Tổng trọng lượng: 2208.784 MTS. Giá trị: 1.390.331,25 USD.

Toàn bộ tài sản nêu trên được hình thành trong quá trình đóng tàu, hiện nay đang lưu giữ tại Kho của Công ty TNHH Một thành viên BĐ , địa chỉ: Số 3 PĐP , phường HL , quận HB , thành phố Hải Phòng. Cụ thể được quy định tại các hồ sơ như sau:

- Điều 7 Hợp đồng cấp bảo lãnh số MD0915200086 29/05/2009; Hợp đồng cấp bảo lãnh số MD0915200087 ngày 29/05/2009 ký giữa QĐ và CNTT ;

- Hợp đồng số HD-BDZ1812-04 ngày 18/12/2009 ký giữa Tổng Công ty CN Tàu Thủy BĐ (nay là Công ty TNHH MTV BĐ) và Hyundai Corporation ngày 18/12/2009;

- Hóa đơn thương mại số SID- 1201T-01 ngày 15/3/2010 của Hyundai Corporation;

- Phiếu đóng gói hàng hóa chi tiết số SID-1201T-01 ngày 15/3/2010 của Hyundai Corporation;

- Vận đơn số SHHP006. Cảng xếp hàng: Cảng Thượng Hải, Trung Quốc. Cảng dỡ hàng: Cảng Hải Phòng, Việt Nam.

- Văn bản số 347 ngày 21/11/2019 của Công ty TNHH MTV BĐ .

Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán khoản nợ, CNTT có trách nhiệm dùng các nguồn thu và tài sản hợp pháp khác của CNTT để thanh toán dư nợ còn lại cho QĐ

Về án phí kinh doanh thương mại: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại.

*** Bị đơn là Tổng Công ty CNTT (CNTT) do người đại diện theo ủy quyền bà Vũ Thị Kim Oanh, bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt thống nhất trình bày:**

Ngày 29/5/2009, Tập đoàn CNTT Việt Nam - VNS (nay là Tổng công ty CNTT - CNTT) và Ngân hàng QĐ ký 02 Hợp đồng cấp bảo lãnh là: Hợp đồng cấp bảo lãnh số MD0915200086 bảo lãnh cho Hợp đồng đóng tàu số hiệu vỏ 7000BTC - BD01 (số tiền bảo lãnh tối đa 3.430.602,74 EUR) và Hợp đồng cấp bảo lãnh số MD0915200087 bảo lãnh cho Hợp đồng đóng tàu số hiệu vỏ 7000BTC - BD02 (số tiền bảo lãnh tối đa 3.528.904,11 EUR).

Sau khi Ngân hàng QĐ hoàn thành nghĩa vụ bảo lãnh, CNTT đã ký 03 giấy nhận nợ với Ngân hàng QĐ là: Giấy nhận nợ ngày 26/9/2011 số tiền nhận nợ 96.948.833.432 đồng tương đương 3.430.602,74 EUR (hoàn trả tiền ứng trước cho chủ tàu số hiệu vỏ 7000BTC - BD01); Giấy nhận nợ ngày 27/3/2012, số tiền nhận nợ 97.327.738.356 đồng tương đương 3.494.712,33 EUR (hoàn trả tiền ứng trước cho chủ tàu số hiệu vỏ 7000BTC - BD02); Giấy nhận nợ ngày 27/3/2012, số tiền nhận nợ 759.250.456 đồng tương đương 27.975,33 EUR (thanh toán tiền lãi phát sinh liên quan đến việc hoàn trả tiền ứng trước cho chủ tàu số hiệu vỏ 7000BTC - BD02).

Ngày 13/7/2015, Ngân hàng QĐ và CNTT ký Bảng đối chiếu nợ, trong đó xác định nợ gốc là 189.558.867.768 đồng. Nay, Ngân hàng QĐ khởi kiện yêu cầu tòa án buộc CNTT phải trả tổng số tiền (tạm tính đến ngày 18/8/2021) là 629.208.857.733 đồng, trong đó nợ gốc 189.558.867.768 đồng và nợ lãi 439.649.989.965 đồng.

Tuy nhiên, Tại Biên bản ngày 23/12/2021 không có nội dung nào thể hiện CNTT thừa nhận khoản nợ. Ngoài ra, Biên Bản làm việc 23/12/2021 nội dung rất chung chung, không đề cập rõ khoản nợ nào, nợ gốc, nợ lãi bao nhiêu và người ký Biên Bản làm việc không có đủ thẩm quyền ký, không có giấy ủy quyền và không phải là người đại diện pháp luật. Theo như đơn trình bày của phía nguyên đơn tại Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì QĐ và CNTT có đối chiếu công nợ duy nhất đến ngày 13/07/2015, theo đó tạm tính đến ngày 25/5/2015 CNTT còn nợ QĐ số tiền là 346.316.904.254 đồng, trong đó nợ gốc: 189.558.867.768 đồng; Nợ lãi:156.758.036.486 đồng (theo Bảng đối chiếu dư nợ ngày 13/7/2015).

CNTT không công nhận văn bản số 10951/CV-HO ngày 18/11/2019 và văn bản số 32/CV-HO ngày 06/01/2020 là Biên bản đối chiếu nợ do nội dung của các văn bản

trên là "bàn giao tài sản bảo đảm của Ngân hàng QĐ ". Trong hai công văn này không thể hiện nội dung xác nhận khoản nợ hay đối chiếu khoản nợ gồm nợ gốc, nợ lãi...CNTT cũng không công nhận Biên bản làm việc ngày 23/12/2021 có đủ cơ sở là Biên bản đối chiếu nợ giữa 2 bên do: Tại thời điểm QĐ và CNTT làm việc vào ngày 23/12/2021 thì QĐ đã khởi kiện CNTT tại Tòa án nhân dân quận BĐ vào ngày 22/10/2021 và đã được Tòa án nhân dân quận BĐ thụ lý số 116/2021/TLST-KDTM ngày 06/12/2021. Do vậy, Biên bản làm việc này đã hết thời hiệu để khởi kiện và theo quy định tại Điều 157 Bộ luật dân sự năm 2015 về việc bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự có quy định:

"a) Bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện;

b) Bên có nghĩa vụ thừa nhận hoặc thực hiện xong một phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện;

c) Các bên đã tự hòa giải với nhau.

2. Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại kể từ ngày tiếp theo sau ngày xảy ra sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này".

Căn cứ Điều 27 khoản 4 Quy chế bảo lãnh Ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 26/2006/QĐ-NHNN quy định: "Bên nợ có nghĩa vụ hoàn trả ngay số tiền tổ chức tín dụng đã trả thay. Trong trường hợp chưa hoàn trả được cho tổ chức tín dụng, bên nợ phải chịu lãi suất phạt đối với khoản nợ tổ chức tín dụng đã trả thay, tối đa bằng 150% lãi suất trong hợp đồng vay vốn giữa khách hàng và bên nhận bảo lãnh (trường hợp bảo lãnh vay vốn) hoặc lãi suất cho vay thông thường mà bên bảo lãnh đang áp dụng, kể từ ngày tổ chức tín dụng thực hiện trả thay".

Điều 7 khoản 1 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC quy định: Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất.

Điều 8 khoản 1 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC quy định: 1. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01-01-2017 được xác định như sau:

"a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất tương ứng với thời hạn vay chưa trả.

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng.

Như vậy, đối chiếu thời điểm các bên ký Bảng đối chiếu nợ (ngày 13/7/2015) và thời điểm Ngân hàng QĐ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết (ngày 22/10/2021) với căn cứ quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 nói trên thì Ngân hàng QĐ khởi kiện khi đã hết thời hiệu. Do đó, căn cứ Điều 23 khoản 3 điểm b Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 3/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì Ngân hàng không có quyền yêu cầu CNTT trả tiền lãi (trong hạn, quá hạn).

- Đối với yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của QĐ :

Theo tài liệu hiện có không thể hiện trước và sau khi ký các Hợp đồng này thì VNS thông báo cho Tổng công ty CNTT BĐ (nay là Công ty TNHH MTV BĐ) về việc ký Hợp đồng cấp bảo lãnh với Ngân hàng. Công ty BĐ là bên trực tiếp và chủ động việc thi công đóng tàu. Khi VNS chuyển tiền cho Công ty BĐ thì hiện tại chưa có tài liệu nào thể hiện VNS thông báo hoặc chỉ đạo Công ty BĐ phải sử dụng khoản tiền này để mua vật tư/ tài sản gì và sử dụng chính vật tư/ tài sản này làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của VNS tại Ngân hàng theo các Hợp đồng cấp bảo lãnh nói trên. Tuy nhiên, Hợp đồng này không có sự tham gia ký kết của Tổng công ty CNTT BĐ (nay là Công ty TNHH MTV BĐ).

Điều 3 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm quy định: Bên bảo đảm là bên có nghĩa vụ hoặc người thứ ba cam kết bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự, bao gồm bên cầm cố, bên thế chấp…. (khoản 1); Tài sản bảo đảm là tài sản mà bên bảo đảm dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với bên nhận bảo đảm (khoản 7). Đối chiếu quy định pháp luật này và tài liệu hiện có thì tài sản là lô thép chưa đảm bảo đủ điều kiện là tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ của CNTT tại Ngân hàng QĐ .

Mặt khác, Công ty TNHH MTV BĐ và CNTT là hai pháp nhân độc lập, không có tài liệu nào thể hiện Công ty TNHH MTV BĐ dùng tài sản là 2.208.784 MST thép tấm cuốn nóng hoặc tài sản hình thành trong quá trình đóng tàu Bitument để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ khoản vay của CNTT tại Ngân hàng QĐ .

Căn cứ Điều 7 các Hợp đồng cấp bảo lãnh thể hiện: Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ được bảo lãnh của bên yêu cầu theo Hợp đồng này gồm:…Toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình đóng tàu (bao gồm tài sản hình thành từ vốn vay, tài sản hình thành từ phần tạm ứng của Bên nhận bảo lãnh và tài sản hình thành từ vốn tự có của bên yêu cầu cấu thành nên con tàu).

CNTT đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng QĐ theo quy định pháp luật.

Liên quan đến 02 văn bản số 10951/CV-HO ngày 18/11/2019, số 32/CV-HO ngày 6/1/2020 của Ngân hàng: CNTT có nhận được tài liệu vụ kiện do Ngân hàng gửi, trong đó có văn bản số 10951/CV-HO ngày 18/11/2019, số 32/CV-HO ngày 6/1/2020. CNTT có nhận được các văn bản này và hiện chưa có tài liệu nào thể hiện CNTT đã phản hồi cho Ngân hàng về vấn đề này.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Một thành viên BĐ . do người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thế Trung, bà Nguyễn Thị Thúy An thống nhất trình bày:**

Ngày 12/01/2022, Công ty BĐ có nhận được bản photo bộ hồ sơ, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện từ QĐ . Theo nội dung đơn khởi kiện, QĐ đã yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc CNTT trả cho QĐ tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/8/2021 là 629.208.857.733 đồng và các khoản lãi phát sinh từ 19/8/2021 đến ngày CNTT thanh toán đầy đủ; đồng thời trong trường hợp CNTT không trả hoặc không trả đầy đủ, sẽ xử lý tài sản đảm bảo là lô thép tấm cuộn nóng phục vụ đóng mới dự án tàu Bitument, lô thép hiện đang lưu giữ tại Công ty TNHH MTV BĐ .

Qua xem xét hồ sơ, chứng cứ và các tài liệu liên quan, Công ty TNHH MTV BĐ có ý kiến như sau:

1. Về tư cách pháp nhân của Công ty TNHH MTV BĐ :

Tại buổi làm việc vào ngày 10/01/2022 tại Tòa án nhân dân quận BĐ , đại diện theo ủy quyền của Công ty BĐ đã gửi tới Tòa án 01 bản "Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV" (đăng ký thay đổi lần thứ 9, do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 10/8/2020). Theo đó, Công ty TNHH MTV BĐ là doanh nghiệp thực hiện việc đăng ký kinh doanh theo đúng quy định của Pháp luật, có tư cách pháp nhân, hoạt động độc lập, được quyền tự chủ và chịu trách nhiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

2. Về đơn khởi kiện của QĐ và hồ sơ, chứng cứ kèm theo:

- Hồ sơ, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của QĐ là các thỏa thuận giữa hai bên (QĐ và CNTT) trong việc phát hành và thực hiện bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, không có bất cứ sự tham gia, thỏa thuận nào từ phía Công ty BĐ .

- Công ty TNHH MTV BĐ đã ký hợp đồng với nhà cung cấp để nhập lô thép tấm cuộn nóng, phục vụ dự án đóng mới tàu Bitument. Như vậy, đây là tài sản hợp pháp của Công ty BĐ và Công ty BĐ cũng không có thỏa thuận với QĐ để cam kết thế chấp tài sản này.

- Ngoài ra, theo nội dung đơn khởi kiện của QĐ có nêu "Tài sản bảo đảm của khoản vay là thép tấm cuộn nóng để đóng tàu…., cụ thể được quy định tại Điều 7 Hợp đồng cấp bảo lãnh số MD0915200086 ngày 29/5/2009, Hợp đồng cấp bảo lãnh số MD0915200087 ngày 29/5/2009 ký giữa QĐ và CNTT " và trích dẫn các tài liệu

quy định; điều này là hoàn toàn chưa chính xác do 02 hợp đồng cấp bảo lãnh trên không quy định cụ thể tài sản bảo đảm là tài sản hợp pháp của Công ty BĐ , Công ty BĐ không có quyền và trách nhiệm đối với thỏa thuận thế chấp tài sản giữa QĐ và CNTT .

Tại văn bản số 347/BĐ-TCKT ngày 21/11/2019, Công ty BĐ cũng đã khẳng định với QĐ đây là tài sản công ty đã nhập khẩu trực tiếp để đóng mới tàu, chứ không có bất cứ cam kết thế chấp nào đối với lô thép mà QĐ đang yêu cầu phải bàn giao. Theo đó, tất cả các mối quan hệ tài chính, tín dụng và xử lý vật tư, thiết bị tồn kho của con tàu này sau khi hợp đồng bị hủy, Công ty BĐ đều phải báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của CNTT , nhất là trong giai đoạn thực hiện tái cơ cấu toàn diện các đơn vị thành viên của VNS theo chủ trương của Chính phủ.

Về quá trình hình thành tài sản là 1385 tấm thép cuộn nóng: Thực hiện Hợp đồng đóng tàu ngày 12/11/2008 giữa Công ty Mediternea Di Navigazione Spa, Tập đoàn CNTT Việt Nam (nay là Tổng Công ty CNTT) và Tổng Công ty CNTT BĐ (nay là Công ty TNHH MTV BĐ), Công ty BĐ đã nhập khẩu nguyên vật liệu để phục vụ cho việc đóng tàu 02 tàu chở nhựa đường 7000BTC-BD01 và 7000BTCBD02, trong đó có 1385 tấm thép cuộn nóng với tổng trọng lượng 2.208.784 MTS, giá trị 1,390,331.25 USD từ Hyundai Corporation (Hàn Quốc) theo Hợp đồng số HDBD/1812-04 ngày 18/12/2009. Căn cứ quy định tại Hợp đồng số HD-BD/1812-04, Công ty BĐ đã thực hiện việc mở LC tại Ngân hàng TMCP QĐ để thanh toán cho Hyundai Corporation toàn bộ giá trị hàng hóa nêu trên.

Ngày 15/3/2010, toàn bộ số thép đã được Hyundai Corporation đóng hàng và gửi vận chuyển bằng đường biển từ Cảng Thượng Hải, Trung Quốc về Cảng Hải Phòng, Việt Nam cho Công ty BĐ . Công ty BĐ đã nhận đủ số hàng trên và hoàn tất việc thanh toán cho Hyundai Corporation. Toàn bộ 1385 tấm thép cuộn nóng đã được xác lập quyền sở hữu cho Công ty BĐ . Giữa Công ty BĐ và Hyundai Corporation không có bất kỳ tranh chấp, vướng mắc gì về quyền sở hữu tải sản hay vấn đề liên quan đến việc mua bán này.

Từ thời điểm nhập khẩu thép (tháng 3/2010) đến nay, Công ty BĐ là đơn vị quản lý, sở hữu hợp pháp đối với toàn bộ số thép này. Công ty BĐ không thực hiện việc thế chấp số tài sản này cho Ngân hàng TMCP QĐ hay bất kỳ tổ chức/cá nhân nào để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ dân sự nào.

Việc Tổng Công ty CNTT vay vốn và thế chấp cho Ngân hàng TMCP QĐ là giao dịch giữa Tổng Công ty CNTT đối với hàng TMCP QĐ , không liên quan đến Công ty BĐ cũng như tài sản của Công ty BĐ .

Đối với Biên bản làm việc ngày 19/09/2011 mà Ngân hàng cung cấp: Qua rà soát hồ sơ tài liệu tại Công ty BĐ cho thấy, không có bất kỳ báo cáo nào về việc ký kết và thực hiện văn bản này; văn bản này cũng không được lưu trữ tại Công ty BĐ . Công

ty BĐ không biết về sự tồn tại của văn bản này cho tới thời điểm Ngân hàng TMCP QĐ cung cấp cho Công ty BĐ (bản photo — chưa xác thực được giá trị pháp lý của văn bản) trong quá trình vụ án được giải quyết tại Tòa án.

Xét các quy định của pháp luật và của Công ty BĐ : việc ký kết các hợp đồng, giao dịch hay phát hành bất kỳ văn bản nào dưới danh nghĩa Công ty đều phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp pháp từ người đại diện theo pháp luật bằng Giấy ủy quyền/văn bản phân công, giao nhiệm vụ cụ thể tùy theo thực tế từng công việc. Tại thời điểm ngày 19/9/2011, người đại diện theo pháp luật của Công ty BĐ không ủy quyền cũng như không giao nhiệm vụ cho Trưởng phòng TCKT được đại diện Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch, văn bản, tài liệu nói chung và ký kết Biên bản làm việc với Ngân hàng nói riêng. Hơn nữa, việc sử dụng một tài sản thuộc sở hữu của Công ty để thế chấp nhằm đảm bảo cho nghĩa vụ của bên thứ ba (cũng chính là chủ sở hữu của Công ty BĐ) là giao dịch với người có liên quan của doanh nghiệp. Trước khi thực hiện, người đại diện ký kết giao dịch bảo đảm cũng phải thực hiện thủ tục xin ý kiến phê duyệt, thông qua nội dung hợp đồng theo quy định của pháp luật và Công ty. Các bên tham gia thiết lập giao dịch cần phải thỏa thuận rõ ràng về tài sản bảo đảm, quyền và nghĩa vụ cụ thể của các bên, việc xử lý tài sản bảo đảm ... cũng như thực hiện các hoạt động định giá, kiểm tra tài sản trước khi giao dịch bảo đảm được thiết lập. Tất cả những hoạt động nêu trên đều không được thực hiện.

Như vậy, Công ty BĐ khẳng định 1385 tấm thép cuộn nóng được mua từ Hyundai Corporation là tài sản thuộc sở hữu của Công ty BĐ , không phải là tài sản thế chấp cho nghĩa vụ của Tổng Công ty CNTT với Ngân hàng TMCP QĐ .

Nay, Công ty TNHH MTV BĐ đề nghị Tòa án xem xét nội dung cụ thể sau:

Xem xét và xác định lại vai trò của Công ty TNHH MTV BĐ với tư cách là Người có quyền và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4, Điều 68, Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 ngày 25/11/2015, và/hoặc:

Bác bỏ một phần yêu cầu của QĐ tại đơn khởi kiện ngày 22/10/2021 (khoản 2, mục III) về việc xử lý tài sản bảo đảm là lô thép tấm cuốn nóng là tài sản hợp pháp của Công ty BĐ .

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty BĐ : Bà Bùi Thị Thanh Hương trình bày:

Ngân hàng QĐ cho rằng Hợp đồng cấp bảo lãnh được ký giữa CNTT với QĐ là điều khoản ràng buộc để xác định lô thép là tài sản bảo đảm. Đây là nhận định không có căn cứ pháp lý vì những lý do sau:

Tại Khoản 1 Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2005 (văn bản có hiệu lực tại thời điểm Hợp đồng cấp bảo lãnh được ký kết) quy định: “1.Thế chấp tài sản là việc một bên (sau đây gọi là bên thế chấp) dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực

hiện nghĩa vụ dân sự đối với bên kia (sau đây gọi là bên nhận thế chấp) và không chuyển giao tài sản đó cho bên nhận thế chấp."

Đồng thời Khoản 1 Điều 4 Nghị định 163/2006/NĐ-CP quy định: "Tài sản bảo đảm do các bên thoả thuận và thuộc sở hữu của bên có nghĩa vụ hoặc thuộc sở hữu của người thứ ba mà người này cam kết dùng tài sản đó để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ đối với bên có quyền...."

Như vậy, theo quy định pháp luật, lô thép chỉ được xác định là tài sản bảo đảm khi xảy ra một trong hai tình huống sau đây:

Lô thép là tài sản thuộc sở hữu của CNTT và được CNTT sử dụng làm tài sản thế chấp;

Lô thép là tài sản thuộc sở hữu của Công ty BĐ và được Công ty BĐ sử dụng làm tài sản thế chấp để bảo đảm cho nghĩa vụ của bên thứ ba là CNTT .

Xét về quyền sở hữu lô thép: Tài liệu giao nộp cho Tòa cũng như ý kiến của CNTT và Cty BĐ đều cho thấy: Công ty BĐ là doanh nghiệp trực tiếp và duy nhất thực hiện việc đàm phán, ký kết, thực hiện Hợp đồng mua bán số thép từ nhà cung cấp theo Hợp đồng số HD-BD/1812-04 ngày 18/12/2009 giữa Công ty BĐ và Hyundai Corporation (Hàn Quốc).

Tại Hợp đồng số HD-BD/1812-04 ngày 18/12/2009 ghi nhận cụ thể và rõ ràng: Hyundai Corporation là "bên bán", Công ty BĐ là "bên mua". Các quy định về quyền, nghĩa vụ, phạt vi phạm, giải quyết tranh chấp … là các ràng buộc pháp lý của Công ty BĐ đối với bên bán và ngược lại.

Công ty BĐ cũng là đối tượng được Bên bán xuất hóa đơn [Hóa đơn thương mại số SID-1201T-01 ngày 31/12/2009] và đứng tên trong tất cả hồ sơ nhập khẩu lô thép nói trên. Theo quy định về phương thức vận tải CIF của Incoterms 2000 do các bên thỏa thuận lựa chọn thì Công ty BĐ được xác lập quyền sở hữu đối với lô thép và chịu rủi ro về mất mát, hư hại đối với lô thép trên kể từ thời điểm hàng qua lan can tàu tại Cảng gửi hàng (cụ thể là Cảng Thượng Hải, Trung Quốc). Từ thời điểm mua bán đến nay, Công ty BĐ và bên bán thép không có bất kỳ tranh chấp, vướng mắc gì về quyền sở hữu tài sản hay bất kỳ vấn đề liên quan đến việc mua bán này.

Với tư cách là chủ sở hữu 1385 tấm thép cuộn nóng, Công ty BĐ có đầy đủ các quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản theo quy định tại Điều 164 BLDS năm 2005.

Xét về giao dịch thế chấp:

- Hợp đồng cấp bảo lãnh số MD0915200086 và Hợp đồng cấp bảo lãnh số MD0915200087 được ký kết ngày 28/5/2009 giữa Tập đoàn CNTT Việt Nam (nay là Tổng Công ty CNTT , tên viết tắt là CNTT) và Ngân hàng TMCP QĐ (Ngân hàng QĐ).

Tại Điểm b Khoản 7.1 Điều 7 Hợp đồng cấp bảo lãnh có nêu: "Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ được bảo lãnh của Bên yêu cầu theo Hợp đồng này gồm toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình đóng tàu (bao gồm tài sản hình thành từ vốn vay, tài sản hình thành từ phần tạm ứng của Bên nhận bảo lãnh và tài sản hình thành từ vốn tự có của Bên yêu cầu cấu thành nên con tàu).

Như vậy: giao dịch được thiết lập giữa bên thế chấp là CNTT và bên nhận thế chấp là Ngân hàng QĐ . Đồng thời Ngân hàng QĐ xác định tài sản bảo đảm là tài sản của Bên yêu cầu là chính CNTT chứ không phải tài sản của bất cứ bên thứ ba nào khác.

Khi đó, CNTT có trách nhiệm sử dụng tài sản của mình để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của mình đối với Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Hợp đồng được ký kết giữa hai bên.

Việc CNTT vay vốn và ký các cam kết, thỏa thuận thế chấp cho Ngân hàng QĐ là giao dịch giữa CNTT với Ngân hàng. Giao dịch này không liên quan đến Công ty BĐ cũng như tài sản của Công ty BĐ .

Không chấp nhận ý kiến của Ngân hàng cho rằng Công ty BĐ đã xác định lô thép là tài sản đảm bảo hay Công ty BĐ đã thế chấp lô thép hay bất cứ cách nói nào khác nhằm xác định rằng lô thép của Công ty BĐ là tài sản bảo đảm cho khoản nợ của CNTT vì những lý do sau:

Về mặt thủ tục ký kết giao dịch đảm bảo: Việc sử dụng tài sản của Công ty BĐ để thế chấp, bảo đảm nghĩa vụ của bên thứ ba đối với Ngân hàng (nếu có) thì phải do Công ty BĐ trực tiếp thương lượng, thỏa thuận và ký kết hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật.

Trong khi đó, hồ sơ tài liệu vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng đều khẳng định không có tài liệu nào thể hiện có sự tham gia của Công ty BĐ vào quá trình đàm phán, ký kết, xác lập giao dịch bảo đảm với Ngân hàng để bảo đảm cho nghĩa vụ của CNTT đối với Ngân hàng.

Ngân hàng cho rằng Trưởng phòng TCKT của BĐ ký vào Biên bản làm việc ngày 19/9/2011 là tài liệu xác nhận lô thép là tài sản thế chấp. Quan điểm này không có cơ sở, vì:

Tại Bản tự khai ngày 15/6/2022 của Công ty BĐ và tại phiên tòa, người đại diện của Công ty BĐ khẳng định: không có bất kỳ báo cáo nào về việc ký kết và thực hiện Biên bản làm việc ngày 19/9/2011; Công ty BĐ cũng không biết về sự tồn tại của văn bản này cho tới thời điểm Ngân hàng cung cấp bản photo cho BĐ trong quá trình vụ án được giải quyết tại Tòa.

Theo quy định tại Điều 91 Luật Doanh nghiệp năm 2005:"1. Đại diện của pháp nhân có thể là đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền. ….".

+ Xem xét Điều lệ Công ty BĐ năm 2011: quy định người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc. Việc ký kết các hợp đồng, giao dịch hay phát hành bất kỳ văn bản nào dưới danh nghĩa Công ty đều phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp pháp từ người đại diện theo pháp luật bằng Giấy ủy quyền/văn bản phân công, giao nhiệm vụ cụ thể tùy theo thực tế từng công việc.

+ Tại thời điểm ngày 19/9/2011, Tổng Giám đốc của Công ty BĐ không ủy quyền cũng như không giao nhiệm vụ cho Trưởng phòng TCKT được đại diện Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch, văn bản, tài liệu nói chung và ký kết Biên bản làm việc với Ngân hàng nói riêng.

- 1385 tấm thép cuộn nóng là tài sản thuộc sở hữu của Công ty BĐ . Nếu Ngân hàng xác định Công ty BĐ đã thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của CNTT thì khi đó đã thiết lập nên giao dịch 3 bên giữa Ngân hàng - CNTT - Công ty BĐ .

Tuy nhiên, CNTT là chủ sở hữu của Công ty BĐ , do đó, việc sử dụng tài sản của BĐ để bảo đảm cho nghĩa vụ của CNTT đối với Ngân hàng là giao dịch với những người liên quan và phải thực hiện thủ tục xem xét phê duyệt và thông qua nội dung giao dịch theo quy định tại Điều 75 Luật Doanh nghiệp năm 2005 như sau:

“Điều 75. Hợp đồng, giao dịch của công ty với những người có liên quan1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là tổ chức với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên xem xét quyết định theo nguyên tắc đa số, mỗi người có một phiếu biểu quyết:

a) Chủ sở hữu công ty và người có liên quan của chủ sở hữu công ty; ….Người đại diện theo/ pháp luật của công ty phải gửi cho Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên; đồng thời, niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung giao dịch đó.”

Với trường hợp này, hồ sơ vụ án cho thấy không có hoạt động xin ý kiến phê duyệt của cấp có thẩm quyền của Công ty BĐ ; giữa BĐ , CNTT và Ngân hàng cũng không có bất kỳ sự thỏa thuận về việc thiết lập giao dịch bảo đảm, tài sản bảo đảm, các quyền và nghĩa vụ cụ thể của từng chủ thể, việc xử lý tài sản bảo đảm … cũng như không có bất kỳ hoạt động định giá, kiểm tra tài sản trước khi thiết lập giao dịch bảo đảm.

Về mặt nội dung giao dịch bảo đảm

Các Hợp đồng cấp bảo lãnh giữa CNTT và Ngân hàng QĐ về bản chất là một hợp đồng cấp tín dụng của QĐ cho CNTT , thời điểm phát sinh khoản vay là thời điểm Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với bên mua tàu.

Hợp đồng này các bên không đảm bảo đầy đủ nội dung theo đúng quy định tại Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (không có quy định về giá trị tài sản bảo đảm):

"Điều 17.- Hợp đồng tín dụng: Việc cho vay của tổ chức tín dụng và khách hàng vay phải được lập thành hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng phải có nội dụng về điều kiện vay, mục đich sử dụng vốn vay, phương thức cho vay, số vốn vay, lãi suất, thời hạn cho vay, hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm, phương thức trả nợ và những cam kết khác được các bên thoả thuận."

Các nội dung khác có thể liên quan: Để thực hiện việc đóng tàu 7000BTC-BD01 và 7000BTC-BD02 theo Hợp đồng đóng tàu ngày 12/11/2008 giữa Công ty Mediternea Di Navigazione Spa (Bên thuê đóng tàu), CNTT và Công ty BĐ : Công ty BĐ chuẩn bị nhân lực, vật tư, thiết bị, mặt bằng … và thực hiện các công tác chuẩn bị khác cho việc thực hiện Dự án.

Trong đó, có việc mua lô thép gồm 1385 tấm thép cuộn nóng với tổng trọng lượng 2.208,784 MTS từ Hyundai Corporation (Hàn Quốc) theo Hợp đồng số HD-BD/1812-04 ngày 18/12/2009.

Tuy nhiên, việc nhập khẩu số thép này là trách nhiệm riêng của Công ty BĐ . Việc Công ty BĐ nhập khẩu thép để thực hiện dự án chung với CNTT không có nghĩa là số thép này trở thành tài sản của CNTT hay đương nhiên là tài sản thế chấp cho khoản vay của CNTT .

- Việc CNTT chuyển tiền cho Cty BĐ từ nguồn tiền nào Cty BĐ không được biết, không có nghĩa vụ phải biết.

Nội dung về chu trình dòng tiền đi từ bên mua tàu ứng cho bên bán tàu, rồi bên bán tàu chuyển cho Cty BĐ là cách nhìn nhận từ phía Ngân hàng bởi chỉ có Ngân hàng mới có đầy đủ thông tin, cũng chính Ngân hàng là người đưa ra các yêu cầu cho các chủ tài khoản khi thực hiện giao dịch tại QĐ .

Cho dù dòng tiền từ CNTT chuyển cho Công ty BĐ hay bất cứ dòng tiền nào khác cấp cho Công ty BĐ để mua số thép này nhưng nếu Công ty BĐ không ký kết giao dịch bảo đảm thì số thép đó sẽ không là tài sản đảm bảo.

- Cả CNTT và Công ty BĐ đều xác nhận đối với Hợp đồng đóng tàu, BĐ chỉ là bên đóng tàu, không tham gia các thỏa thuận khác giữa CNTT với bên mua tàu hay giữa CNTT với bên Ngân hàng.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 92/2022/KDTM-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân quận BĐ đã quyết định.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP QĐ .

- Xác nhận Tổng Công ty CNTT còn nợ Ngân hàng TMCP QĐ tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng cấp bảo lãnh số MD0915200086 ngày 29/5/2009 và Hợp đồng cấp bảo lãnh số MD0915200087 ngày 29/5/2009; Giấy nhận nợ ngày 26/9/2011; Giấy nhận nợ ngày 27/3/2012; Giấy nhận nợ ngày 27/3/2012 tạm tính đến ngày 25/7/2022 là 655.055.981.237 đồng, trong đó: Nợ gốc 189.558.867.768 đồng; Nợ lãi 465.497.113.469 đồng.

- Buộc Tổng Công ty CNTT phải trả cho Ngân hàng TMCP QĐ tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng cấp bảo lãnh số MD0915200086 ngày 29/5/2009 và Hợp đồng cấp bảo lãnh số MD0915200087 ngày 29/5/2009; Giấy nhận nợ ngày 26/9/2011; Giấy nhận nợ ngày 27/3/2012 (ngày nhận nợ 27/12/2011); Giấy nhận nợ ngày 27/12/2012 (ngày nhận nợ 11/01/2012) tạm tính đến ngày 25/7/2022 là 655.055.981.237 đồng, trong đó: Nợ gốc 189.558.867.768 đồng; Nợ lãi 465.497.113.469 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 25/7/2022, Tổng Công ty CNTT còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chậm trả cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần QĐ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận theo Bảng đối chiếu nợ ngày 13/7/2015 hai bên đã ký.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP QĐ :

Ngân hàng TMCP QĐ không được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ theo quy định đối với tài sản bảo đảm là: Thép tấm cuộn nóng để đóng tàu (nên phun bi làm sạch và sơn lót kèm) phục vụ dự án đóng tàu chở nhựa đường theo Hợp đồng đóng xuất khẩu tàu chở nhựa đường 7.000 tấn với các số vỏ 7000BTC-BD01 và 7000BTC-BD02.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, cả nguyên đơn và bị đơn đều kháng cáo.

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP QĐ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung Tòa án sơ thẩm tuyên nguyên đơn không được quyền phát mại sài sản bảo đảm là Thép tấm cuộn nóng để đóng tàu phục vụ dự án đóng tàu chờ nhựa đường theo hợp đồng đóng xuất khẩu tàu chở nhựa đường là không đúng và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phát mại tài sản bảo đảm nêu trên.

Bị đơn là Tổng Công ty CNTT kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung liên quan đến việc Tòa án sơ thẩm tuyên bị đơn phải trả lãi cho Ngân hàng TMCP QĐ do đã hết thời hiệu khởi kiện.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tạo điều kiện để thỏa thuận giải quyết vụ án nhưng các bên không thỏa thuận được và đề nghị Tòa án giải quyết

theo quy định. Các bên không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

-Nguyên đơn trình bày:

Thỏa thuận của Ngân hàng QĐ và CNTT là phù hợp điều 343 Bộ luật dân sự. Tài sản bảo đảm là 1.385 tấm thép đóng tàu là tài sản hình thành trong quá trình đóng tàu và được mua bằng nguồn tiền của dự án đóng tàu cũng chính là tiền ứng trước của Chủ tàu cho CNTT . Công ty BĐ khi mua 1.385 tấm thép này phải có văn bản đề nghị Ngân hàng QĐ cho ứng tiền từ dự án đóng tàu và có sự đồng ý của CNTT . Quá trình đóng tàu, mọi phương án kể cả về tài chính thì Công ty BĐ phải được CNTT phê duyệt (Quyết định 1579) thì Công ty BĐ mới được làm. Công ty BĐ chịu sự quản lý mọi mặt của CNTT vì CNTT nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty BĐ nên tài sản là số thép trên bản chất của CNTT mà Công ty BĐ chỉ là người trực tiếp quản lý.

Ngày 13/7/2015, QĐ và CNTT đã có biên bản đối chiếu công nợ. Ngày 23/8/2018 CNTT đã có văn bản mời QĐ họp để giải quyết công nợ nhưng do không thống nhất nên không lập được văn bản. Năm 2019, 2020 QĐ có văn bản đòi nợ song CNTT nhận được văn bản nhưng không trả lời nên năm 2021 Ngân hàng QĐ khởi kiện là còn thời hiệu đòi nợ lãi

- Bị đơn trình bày: Căn cứ điều 429 Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ Nghị quyết số 03/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì đã hết thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu đòi nợ lãi của Ngân hàng. Theo hợp đồng bảo lãnh mà Ngân hàng QĐ và CNTT ký tuy có thỏa thuận về tài sản bảo đảm nhưng tài sản bảo đảm là 1.385 tấm thép này không phải thuộc sở hữu của CNTT mà thuộc sở hữu của Công ty BĐ nên yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng QĐ là không có căn cứ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Số thép 1.385 tấm của Công ty BĐ đang có tranh chấp không phải là tài sản bảo đảm của CNTT mà do Công ty BĐ trực tiếp mua của doanh nghiệp Hàn Quốc. Các chứng từ mua và nhập khẩu thể hiện rõ Công ty BĐ là người mua hàng và là người sở hữu của lô thép này.Hiện lô thép trên đang do Công ty BĐ quản lý tại kho của mình. Về ý kiến của Ngân hàng QĐ cho rằng nguồn tiền mua thép là của chủ đầu tư dự án đóng tàu thì Công ty BĐ không quan tâm vì Công ty BĐ là người trực tiếp đặt mua và trả tiền cho bên bán là doanh nghiệp Hàn Quốc. Việc Công ty BĐ xin ý kiến CNTT là có nhưng đây là quan hệ nội bộ giữa CNTT và Công ty BĐ , đồng thời việc xin ý kiến CNTT không có nghĩa là CNTT là chủ sở hữu của lô thép. Mặc dù CNTT sở hữu 100% vốn của Công ty BĐ nhưng vẫn là hai pháp nhân độc lập, CNTT không có quyền quyết định về tài sản thuộc sở hữu của Công ty BĐ khi Công ty BĐ không đồng ý. Tại biên bản ngày 19/9/2011 về kiểm kê tình hình sử dụng lô thép thì người ký là người không có thẩm quyền, không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng không được Công ty ủy quyền hợp lệ để ký văn bản này nên văn bản này không có giá trị pháp lý. Ngân hàng QĐ và CNTT ký hợp đồng thế chấp liên quan đến tài sản của Công ty BĐ là không có giá trị vì lô thép này không phải của CNTT , việc CNTT thế chấp không được sự đồng ý của Công ty BĐ là không có giá trị

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật: Quá trình tiến hành tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tham gia tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định

Về yêu cầu kháng cáo:

Các giấy nhận nợ của CNTT với Ngân hàng QĐ không ghi cụ thể thời gian phải trả nợ. Biên bản đối chiếu công nợ ngày 23/8/20118 cũng vậy

Về thời hiệu giải quyết yêu cầu đòi nợ lãi của nguyên đơn: ngày 13/7/2015 nguyên đơn, bị đơn có ký kết bảng đối chiếu công nợ. Ngày 23/8/2018, bị đơn có văn bản số 1374 gửi nguyên đơn với nội dung họp bàn phương án xử lý các khoản nợ vay của CNTT và Công ty BĐ tại Ngân hàng QĐ . Ngày 21/11/2019 Công ty BĐ cũng có văn bản trả lời Công văn số 10951 của bị đơn. Việc đòi nợ của nguyên đơn đối với bị đơn là liên tục, bị đơn cũng đã biết nhưng không phối hợp thực hiện nên đến năm 2021 nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ với nguyên đơn nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu đòi nợ gốc và lãi của nguyên đơn đối với bị đơn là phù hợp và có căn cứ

Về yêu cầu phát mại tài sản: Tài liệu hồ sơ thể hiện lô thép do Công ty BĐ quản lý được hình thành từ nguồn vốn của CNTT vay của Ngân hàng QĐ . CNTT là chủ sở hữu 100% vốn của Công ty BĐ . Theo quy định tại Luật doanh nghiệp 2005 thì CNTT được quyền: Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty… chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty. Công ty BĐ cũng có nhiều văn bản xin ý kiến chỉ đạo của CNTT về việc xử lý lô thép này. Vì vậy, có căn cứ cho rằng CNTT được quyền quyết định về lô thép này nên cấp sơ thẩm cho rằng CNTT không có quyền để thế chấp tài sản này là không đúng. Vì vậy, cần sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phát mại tài sản của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Xét thấy, đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn nằm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng bảo lãnh. Bị đơn là Tổng Công ty CNTT (CNTT) có trụ sở tại: Số 172 NK, phường GV, quận BĐ , Hà Nội. Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1

điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận BĐ thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

Sau khi xét xử sơ thẩm, cả nguyên đơn và bị đơn đều kháng cáo bản án sơ thẩm. Cụ thể, nguyên đơn kháng cáo việc Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm của nguyên đơn là không đúng. Bị đơn kháng cáo cho rằng nguyên đơn khởi kiện khi đã hết thời hiệu khởi kiện nên bị đơn không có nghĩa vụ phải trả lãi cho nguyên đơn.

Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Tại đơn kháng cáo gửi Tòa án, bị đơn kháng cáo cho rằng vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện nên bị đơn không có nghĩa vụ phải trả lãi cho nguyên đơn

Xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy: Ngày 13/7/2015, nguyên đơn và bị đơn có ký biên bản đối chiếu công nợ. Sau đó các bên không có biên bản đối chiếu công nợ nào khác. Vì vậy, bị đơn cho rằng từ thời điểm ngày 13/7/2015 đến nay, các bên không xác nhận khoản nợ thêm lần nào khác nên đến năm 2021, nguyên đơn mới thực hiện việc khởi kiện là đã hết thời hiệu đòi nợ lãi.

Tuy nhiên, xem xét quá trình đòi nợ của nguyên đơn đối với bị đơn thấy: Các giấy nhận nợ ngày 26/9/2011, ngày 27/3/2012 mà CNTT và Ngân hàng QĐ ký với nhau không quy định cụ thể thời gian phải trả nợ. Biên bản đối chiếu công nợ ngày 13/7/2015 cũng chỉ xác định nợ gốc, nợ lãi (mức lãi phải trả) mà cũng không quy định thời hạn phải trả nợ. Do vậy, sau khi có các văn bản đòi nợ năm 2019 đến 2020 mà CNTT không trả, không trả lời thì năm 2021 Ngân hàng QĐ khởi kiện là không hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điều 429 Bộ luật dân sự 2015.

Về yêu cầu nợ lãi của nguyên đơn, thấy:

Tại các hợp đồng bảo lãnh số 086 và 087 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn thì các bên không có thỏa thuận về lãi. Nguyên đơn áp dụng mức lãi suất 22,5% Tại văn bản số 6480 ngày 30/12/2011, bị đơn có văn bản đề nghị nguyên đơn giảm lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước quy định là 9% để hỗ trợ bị đơn trong gia đoạn khó khăn vì bị đơn đang trong quá trình tái cơ cấu nên chưa thu xếp được khoản tiền nợ gốc, lãi. Tuy nhiên, tại thời điểm đối chiếu công nợ ngày 13/07/2015 thì nguyên đơn áp dụng mức lãi suất 22,3% đến 22.5% và bị đơn đã đồng ý ký đối chiếu công nợ. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu về lãi của nguyên đơn với mức lãi suất nêu trên như Tòa án sơ thẩm đã quyết định.

Với các phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bị đơn

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, cấp phúc thẩm thấy:

Ngày 29/5/2009, nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng cấp bảo lãnh số MD 0915200086 (Sau đây gọi tắt là hợp đồng số 086) và số MD0915200087 (Sau đây gọi tắt là hợp đồng số 087) đều có nội dung: Nguyên đơn đồng ý cấp bảo lãnh cho bị đơn với các nội dung: Bên nhận bảo lãnh là Mediterranea Di Navigazion Spa (Italy). Loại bảo lãnh là Bảo lãnh hoàn tạm ứng, biện pháp bảo đảm: Toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình đóng tàu (bao gồm tài sản hình thành từ vốn vay, tài sản hình

thành từ phần tạm ứng của bên nhận bảo lãnh và tài sản hình thành từ vốn tự có của bên yêu cầu cấu thành nên con tàu)… Ngoài ra, hợp đồng còn ghi nhận các thỏa thuận khác của các bên

Thấy rằng việc ký kết hợp đồng bảo lãnh giữa hai bên là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Nguyên đơn đã phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và tiến hành giải ngân nhận nợ bắt buộc cho bị đơn theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo lãnh đã ký. Theo đó bị đơn đã ký nhận 03 giấy nhận nợ với tổng số tiền là: 195.035.822.244 đồng. Cụ thể là: Giấy nhận nợ ngày 26/9/2011 số tiền nhận nợ 96.948.833.432 đồng tương đương 3.430.602,74 EUR; Giấy nhận nợ ngày 27/3/2012, số tiền nhận nợ 97.327.738.356 đồng tương đương 3.494.712,33 EUR; Giấy nhận nợ ngày 27/3/2012, số tiền nhận nợ 759.250.456 đồng tương đương 27.975,33 EUR

Đến ngày 13/7/2015, nguyên đơn và bị đơn đã có văn bản đối chiếu công nợ, theo đó tính đến ngày 25/5/2015 bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền là 346.316.904.614 đồng, trong đó: Nợ gốc: 189.558.867.768 đồng; Nợ lãi: 156.758.036.846 đồng.

Về việc ký hợp đồng bảo lãnh, giải ngân nhận nợ bắt buộc, đối chiếu công nợ nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận và không có ý kiến gì. Về số tiền nợ gốc: Theo biên bản đối chiếu công nợ các bên ký ngày 13/7/2015 thể hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn 189.558.867.768 đồng nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu nợ gốc với số tiền như trên theo yêu cầu khởi kiện là đúng quy định. Bị đơn cũng không có ý kiến và không kháng cáo về vấn đề này nên cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định về nợ gốc của Tòa án sơ thẩm.

Về yêu cầu nợ lãi: Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu về lãi của nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn kháng cáo cho rằng nguyên đơn khởi kiện vụ án là đã hết thời hiệu khởi kiện nên bị đơn không có nghĩa vụ phải trả lãi cho nguyên đơn. Như đã phân tích nêu trên, yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi như cấp sơ thẩm tính toán là phù hợp.

Về kháng cáo của nguyên đơn đề nghị được phát mại tài sản bảo đảm là Thép tấm cuộn nóng để đóng tàu (nên phun bi làm sạch và sơn lót kèm) cho dự án đóng tàu chở nhựa đường Bitument, cấp phúc thẩm thấy:

Tại các hợp đồng bảo lãnh, nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận: biện pháp bảo đảm: Toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình đóng tàu (bao gồm tài sản hình thành từ vốn vay, tài sản hình thành từ phần tạm ứng của bên nhận bảo lãnh và tài sản hình thành từ vốn tự có của bên yêu cầu cấu thành nên con tàu)

Về quá trình hình thành tài sản bảo đảm là thép tấm cuộn nóng để đóng tàu, tài liệu hồ sơ thể hiện: Thực hiện hợp đồng đóng tàu ngày 12/11/2008 giữa Công ty Mediternea Di Naviazion Spa, Tập đoàn CNTT Việt Nam và Tổng công ty CNTT BĐ thì Tổng công ty CNTT BĐ đã nhập khẩu nguyên vật liệu để phục vụ cho việc

đóng tàu trong đó có 1.385 tấm thép cuộn nóng giá trị 1.390.331,25 USD từ Hyundai Corporation.

Để quản lý và thanh toán các khoản tiền phục vụ dự án đóng tàu Bitument, Tập đoàn CNTT Việt Nam và Tổng công ty CNTT BĐ có mở các tài khoản tại Ngân hàng QĐ cụ thể là:

- Tài khoản của Tập đoàn CNTT Việt Nam – số tài khoản EUR: 0011100137005

- Tài khoản của Tổng Công ty CNTT BĐ lần lượt là: EUR 0011100144001 và USD 0011100143005.

Theo sổ hạch toán chi tiết của các số tài khoản nêu trên thể hiện nội dung: Tập đoàn CNTT Việt Nam chuyển tiền về tài khoản chuyên dụng của Công ty BĐ tiền ứng trước của chủ đầu tư dự án đóng 02 tàu Bitument. Các tài khoản chuyên dụng nêu trên chỉ có các giao dịch phát sinh liên quan đến khoản tiền phục vụ cho dự án đóng tàu này. Vận đơn mua bán lô thép cũng thể hiện lô thép được thanh toán bởi thư tín dụng (L/C) 09123 ngày 31/12/2009 theo Lệnh của Ngân hàng QĐ (bằng nguồn tiền của CNTT).

Như vậy, có căn cứ khẳng định lô thép tấm cuộn nóng được mua từ nguồn tiền do chủ đầu tư tạm ứng về tài khoản của Tập đoàn CNTT Việt Nam.

Ngày 18/11/2019 Ngân hàng QĐ đã có văn bản số 10951/CV-HO gửi CNTT và Công ty BĐ về việc bàn giao tài sản bảo đảm là 1.385 tấm thép cán nóng.

Tại Công văn số 347/BĐ-TCKT ngày 21/11/2019 của Công ty BĐ gửi Ngân hàng QĐ về phúc đáp công văn số 10951 nêu trên, Công ty BĐ cũng có ý kiến như sau: Theo đó, tất cả các mối quan hệ tài chính, tín dụng và xử lý vật tư, thiết bị tồn kho của con tàu này sau khi hợp đồng bị hủy, chúng tôi đều phải báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của CNTT , nhất là trong giai đoạn thực hiện tái cơ cấu toàn diện các đơn vị thành viên của VNS theo chủ trương của Chính phủ như hiện nay… Sau khi nhận được chỉ đạo của CNTT , chúng tôi sẽ thông tin với Quý Ngân hàng về phương án xử lý đối với lô thép nêu trên

Như vậy, chính Công ty BĐ cũng đã thừa nhận việc quản lý sử dụng toàn bộ số thép nêu trên phải chịu sự chỉ đạo và quyết định của CNTT nên Công ty BĐ cho rằng Công ty có quyền sở hữu và định đoạt đối với số thép nêu trên như lời trình bày tại phiên tòa và ý kiến của luật sư là không có căn cứ.

Mặt khác, quá trình thực hiện dự án đóng tàu Bitument, Công ty BĐ phải chịu sự quản lý, phải thực hiện báo cáo và xin ý kiến phê duyệt của Tập đoàn CNTT Việt Nam, cụ thể: Ngày 02/10/2009 Công ty BĐ gửi Ngân hàng QĐ bản nhu cầu đăng ký sử dụng vốn trong đó có đăng ký sử dụng vốn đối với việc mua thép có xác nhận của Tập đoàn CNTT Việt Nam. Do vậy, việc cấp sơ thẩm xác định lô thép tấm

cuộn nóng (1.385 tấm) là tài sản mà Công ty BĐ có quyền định đoạt là không có căn cứ.

Đối với ý kiến của Công ty BĐ cho rằng biên bản làm việc ngày 19/9/2011 giữa Ngân hàng và Công ty BĐ liên quan đến lô thép thì không có giá trị pháp lý, ông Nguyễn Thế Trung trưởng phòng tài chính kế toán của Công ty BĐ ký nhưng không đúng thẩm quyền. Hội đồng xét xử thấy rằng biên bản này được lập tại Công ty BĐ , ông Trung đã ký và được đóng dấu của Công ty nên theo Nghị định 58/2001 và Nghị định 31/2009 của Chính Phủ về quản lý con dấu thì biên bản này không phải là không có giá trị pháp lý mà nó sẽ được xem xét trong tổng thể các tài liệu, chứng cứ khác nữa.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH Một thành viên của Tổng Công ty CNTT BĐ (thay đổi lần thứ nhất: ngày 29/12/2008) thể hiện: Chủ sở hữu của Công ty BĐ là Tập đoàn CNTT Việt Nam.

Theo Quyết định số 2237/QĐ/CNT-TCCB-LĐ ngày 19/7/2007 của Tập đoàn CNTT Việt Nam về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty CNTT BĐ có quy định: Hội đồng quản trị Tập đoàn CNTT Việt Nam quyết định: Phê duyệt mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn và ngành nghề kinh doanh của Công ty BĐ . Phê duyệt điều lệ của Công ty BĐ …

Theo điều lệ của Tổng Công ty CNTT BĐ quy định: Điều 14: Quyền của chủ sở hữu đối với Tổng Công ty: Quyết định mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn của Công ty BĐ . Quyết định việc đầu tư, góp vốn đầu tư, liên doanh, liên kết; phê duyệt chủ trương bán tài sản, vay, cho vay, thuê, cho thuê của Công ty BĐ …

Như vậy, Tập đoàn CNTT Việt Nam thực hiện việc quản lý, chỉ đạo, điều hành và quyết định về việc sử dụng vốn tài sản của Công ty BĐ .

Ngày 03/11/2008, Công ty TNHH MTV BĐ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Khoản 1 điều 63 Luật doanh nghiệp 2005 quy định về Công ty TNHH một thành viên như sau: "Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu (sau đây gọi là chủ sở hữu công ty); chủ sở hữu công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty". Điều 64 Luật doanh nghiệp 2005 cũng quy định về quyền của Chủ sở hữu Công ty**:** Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty; Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý công ty… chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty BĐ và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm thì CNTT sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty BĐ từ khi thành lập cho đến nay.

Từ những phân tích trên, cấp phúc thẩm thấy rằng: Tuy CNTT và Công ty BĐ là hai doanh nghiệp độc lập theo luật doanh nghiệp nhưng tài sản bảo đảm cho khoản vay của

CNTT là 1.385 tấm thép cuộn nóng để đóng tàu (nên phun bi làm sạch và sơn lót kèm) cho dự án đóng tàu chở nhựa đường Bitument là tài sản được hình thành bằng nguồn tiền đầu tư của CNTT do Công ty BĐ nhập khẩu từ Hyundai Corporation (Hàn Quốc). Việc Công ty BĐ thực hiện việc mua, quản lý, sử dụng số thép này phải được sự quản lý, chỉ đạo và phê duyệt của CNTT . Công ty BĐ cho rằng Công ty là chủ sở hữu hợp pháp và được quyền quyết định với số thép này là không đúng. Đây là tài sản bảo đảm của CNTT tại Ngân hàng QĐ và đã được chính Công ty BĐ xác nhận trước đây nên đến nay Công ty BĐ cho rằng 1.385 tấm thép không thế chấp tài sản này cho bất kỳ nghĩa vụ nào là không đúng. CNTT từ trước đến nay là chủ sở hữu của Công ty BĐ (sở hữu vốn 100%) nên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty BĐ vì vậy có quyền quyết định việc quản lý, sử dụng số thép nêu trên. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phát mại tài sản của nguyên đơn là thép tấm cuộn nóng là không có căn cứ và không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, cần sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm của nguyên đơn.

Theo biên bản xem xét thẩm định ngày 01/3/2022 do Tòa án sơ thẩm lập thì lô thép 1.385 tấm với trọng lượng 2.208,784 MTS hiện đang lưu giữ đầy đủ tại kho của Công ty BĐ (tại số 3 PĐP , phường HL , quận HB , thành phố Hải Phòng)

Từ những phân tích trên, thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận BĐ , thành phố Hà Nội

Lập luận của luật sư bảo vệ quyền lợi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty BĐ tương tự ý kiến của Công ty BĐ đã được phân tích ở trên nêu Hội đồng xét xử không phân tích lại.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với quy định của pháp luật pháp luật.

Về án phí: Do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm. Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những nhận định trên!

Căn cứ Điều 30; Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều: 342, 343, 355 Bộ luật dân sự 2005. Điều 429 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ: Điều 63; Điều 64 Luật doanh nghiệp 2005

Căn cứ Quyết định số 26/2006/QĐ-NHNN ngày 26/6/2006 của Ngân hàng Nhà nước. Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP QĐ , không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty CNTT , sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 92/2022/KDTM-ST ngày 26/7/2022 của tòa án nhân dân quận BĐ , thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP QĐ .

- Xác nhận Tổng Công ty CNTT còn nợ Ngân hàng TMCP QĐ theo Hợp đồng cấp bảo lãnh số MD0915200086 ngày 29/5/2009 và Hợp đồng cấp bảo lãnh số MD0915200087 ngày 29/5/2009; Giấy nhận nợ ngày 26/9/2011; Giấy nhận nợ ngày 27/3/2012; Giấy nhận nợ ngày 27/3/2012

- Buộc Tổng Công ty CNTT phải trả cho Ngân hàng TMCP QĐ tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng cấp bảo lãnh số MD0915200086 ngày 29/5/2009 và Hợp đồng cấp bảo lãnh số MD0915200087 ngày 29/5/2009; Giấy nhận nợ ngày 26/9/2011; Giấy nhận nợ ngày 27/3/2012 (ngày nhận nợ 27/12/2011); Giấy nhận nợ ngày 27/03/2012 (ngày nhận nợ 11/01/2012) tính đến ngày 25/7/2022 là 655.055.981.237 đồng, trong đó: Nợ gốc 189.558.867.768 đồng; Nợ lãi 465.497.113.469 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 25/7/2022, Tổng Công ty CNTT còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chậm trả cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần QĐ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận theo Bảng đối chiếu nợ ngày 13/7/2015 hai bên đã ký.

2. Trường hợp Tổng Công ty CNTT không thanh toán được khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP QĐ được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm là: Thép tấm cuộn nóng để đóng tàu (nên phun bi làm sạch và sơn lót kèm) phục vụ dự án đóng tàu chở nhựa đường theo Hợp đồng đóng xuất khẩu tàu chở nhựa đường 7.000 tấn với các số vỏ 7000BTC-BD01 và 7000BTC-BD02. Số lượng 1.385 tấm. Tổng trọng lượng: 2.208,784 MTS

Toàn bộ tài sản nêu trên được hình thành trong quá trình đóng tàu, hiện nay đang lưu giữ tại kho của Công ty TNHH Một thành viên BĐ , địa chỉ: Số 3 PĐP , phường HL , quận HB , thành phố Hải Phòng.

Công ty TNHH một thành viên BĐ có trách nhiệm bàn giao số thép nêu trên để thi hành án.

Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán khoản nợ, Tổng Công ty CNTT có nghĩa vụ dùng các nguồn thu và tài sản hợp pháp khác của Tổng Công ty CNTT để thanh toán dư nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP QĐ .

4. Về án phí sơ thẩm:

- Tổng Công ty CNTT phải chịu 763.055.981 (Bảy trăm sáu mươi ba triệu, không trăm năm mươi năm nghìn, chín trăm tám mươi mốt) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quận Đội không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 369.000.000 (Ba trăm sáu mươi chín triệu) đồng theo biên lai thu số 0067630 ngày 06 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận BĐ , thành phố Hà Nội.

- Ngân hàng TMCP QĐ không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP QĐ 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 02244 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BĐ .Tổng Công ty CNTT phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 02247 ngày 17/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận BĐ , thành phố Hà Nội

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 30/3/2023.

Nơi nhận:
- Viên kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Tòa án ND Q. BĐ ;
- Chi cục THADS Q. BĐ ;
- Đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Minh Thành

Theo sao kê tài khoản chuyên dụng của tập đoàn CNTT Việt Nam (CNTT) và Tổng Công ty CNTT BĐ (nay là Công ty TNHH MTV đóng tàu BĐ thể hiện:

được nguyên đơn cho là tài sản bảo đảm (1385 tấm thép cuộn nóng): Công ty BĐ đã có lời khai: Thực hiện hợp đồng đóng tàu ngày 12/11/2008 giữa bên được bảo lãnh, bị đơn và Công ty BĐ thì Công ty BĐ đã nhập khẩu nguyên vật liệu để phục vụ cho việc đóng 02 tàu chở nhựa đường. Tài liệu trong hồ sơ cũng thể hiện ngày 18/12/2009 Công ty BĐ và Hyundai Corporation đã ký hợp đồng mua bán tấm thép cuộn nóng để đóng tàu (nên phun bi làm sạch và sơn lót kẽm) cho dự án tàu chở bitument, giá trị 1.390.331,25 USD.

Như vậy, xác định Công ty BĐ là chủ sở hữu hợp pháp của lô thép 1385 tấm thép cuộn nóng này. Theo quy định tại điều 164 Bộ luật dân sự 2005 thì chủ sở hữu là Công ty BĐ có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với tài sản này.

Xem xét thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn về biện pháp bảo đảm đối với số tiền bảo lãnh tại các hợp đồng bảo lãnh số 086 và 087 thấy: Các hợp đồng này không nêu rõ tài sản bảo đảm là tấm thép cuộn nóng. Mặt khác, thỏa thuận về tài sản

bảo đảm (nếu có) cũng chỉ là thỏa thuận giữa nguyên đơn, bị đơn mà không có ý kiến nhất trí của chủ sở hữu tài sản là Công ty BĐ . Mặt khác, Công ty BĐ khẳng định chưa hề thế chấp tài sản này cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào

Nguyên đơn viện dẫn điều 343 Bộ luật dân sự quy định: *"Việc thế chấp tài sản phải được lập thành văn bản, có thể lập thành văn bản riêng hoặc ghi trong hợp đồng chính…"* . Theo đó, nguyên đơn cho rằng nội dung về tài sản bảo đảm đã được ghi trong hợp đồng chính (hợp đồng bảo lãnh). Tuy nhiên, như đã phân tích nêu trên, hợp đồng bảo lãnh là hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng QĐ và Tổng Công ty CNTT chứ phải được ký kết với Công ty BĐ .

Ngày 03/11/2008, Công ty TNHH MTV BĐ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu và đến ngày 10/8/2020 đăng ký thay đổi lần thứ 9. Khoản 2 điều 63 Luật doanh nghiệp 2005 quy định về Công ty TNHH một thành viên như sau: "Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh". Theo quy định khoản 3, khoản 4 tại 84 Bộ luật dân sự 2005 quy định về pháp nhân: "Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó. Nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập".

Như vậy, theo quy định nêu trên thì trường hợp Công ty BĐ có dùng tài sản bảo đảm cho khoản tiền bảo lãnh của Ngân hàng QĐ với CNTT thì phải chính Công ty BĐ chấp thuận bằng văn bản với Ngân hàng QĐ chứ không phải thông qua bất kỳ một cá nhân hoặc pháp nhân nào khác.

Từ những phân tích trên, thấy rằng cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mại tài sản là lô tấm thép nóng cuộn của Công ty BĐ là không có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Hoàng Minh Thành

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Hoàng Minh Thành

Nơi nhận:
- *Viên kiểm sát ND TP Hà Nội;*
- *Tòa án ND Q. Nam Từ Liêm;*
- *Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;*
- *Đương sự.*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Minh Thành